



# PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 332, NĂM THỨ 27

THÁNG 3-2022



Điện Tử Thư (E-Mail): [huynhaitong@gmail.com](mailto:huynhaitong@gmail.com)  
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



## NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

**PHÚC TRUNG**

Thủ Quỹ:

**DIỆU LAN**

Kiểm Soát:

**PHƯỚC SƠN**

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON**

**CHÂN ĐẠI LƯỢNG**

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

**TÂM KHÔNG**

**TÂM TUỆ TỈNH**

**TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH**

**HÀN TRÚC**

**HỒNG DƯƠNG**

**MINH CHÁNH**

**MINH ĐỨC**

**TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

# Mục Lục

<a href="#"><u>Làm lành lánh dữ</u></a>	BBT	3
<a href="#"><u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u></a>	Hoang Phong dịch	4
<a href="#"><u>Pháp Cú: 383 Phẩm Bà La Môn</u></a>	HT. Th. Minh Châu dịch	7
<a href="#"><u>Thơ: Đường Mây</u></a>	Hoang Phong	7
<a href="#"><u>Câu chuyện thật của một Bs Tâm thần</u></a>	Th. Tâm Quang dịch	8
<a href="#"><u>Đức Phật Thầy Tây An</u></a>	Phúc Trung	13
<a href="#"><u>Đôi nét về đạo Tứ ân hiếu nghĩa</u></a>	Trần Minh Thu	21
<a href="#"><u>Ngô Lơi</u></a>	Theo Bách Khoa toàn thư mở Wikipedia	27
<a href="#"><u>Hư Hư Lục: Trò chơi bắt đé</u></a>	Thích Nữ Như Thủy	29
<a href="#"><u>Thơ: Giữa điều tôi nhìn thấy và điều tôi nói ra</u></a>	Tuệ Sỹ	31

Tranh bìa

## Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có**

**bài đăng trong**

**Nguyệt San Phật Học**

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập**

**Nguyệt San Phật Học**

## Làm lành lánh dữ

Có thể nói từ 3 năm qua, khởi đầu từ gần cuối năm 2019, dịch bệnh Corona Virus lan rộng toàn cầu, khởi đi từ Trung Quốc ở Vũ Hán lan rộng ra chẳng những Trung quốc mà còn lan sang Nam Hàn, Nhật Bản rồi Iran sang các nước Tây Phương. Chẳng những bệnh mà con số người chết mới đáng sợ, chết không kịp chôn cất, không kịp thiêu.

Ngày 24 tháng 2 năm nay, Nga đã đem quân tràn sang Ukraine nhằm đề cửng có cho 2 nơi giáp với Nga muốn ly khai Ukraine. Súng đã nổ ngoài chiến sĩ, thường dân lớp chết, lớp bị thương, lớp tản cư sang các nước láng giềng, đây thế giới vào sự bất an nào là dịch bệnh nào là chiến tranh.

Trước cảnh này, người dân Miền Tây Việt Nam càng tin tưởng vào những câu Sám Giảng của đức Phật Thầy Tây An, của giáo chủ Phật Giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ, của Sư Vải bán khoai, của ông Ba Thới ...

Chẳng hạn như Sám giảng của Phật Thầy Tây An, Đoàn Minh Huyền có câu:

*Năm Dân nhiều chỗ bơ vơ,  
Bước qua năm Mẹo như tơ rối cuộn.  
Năm Mẹo tháng Mẹo chưa buồn,  
Năm Mẹo tháng Hợi lụy tuôn dầm dề.  
Vây mà chưa mấy ủ ê,  
Trung ương Ròng lộn ê hề thây thi.  
Mèo kêu riết tới sâu bi,  
Tiếng Gà về ổ vậy thời bình an.*

Cho nên nhiều người ở Miền Tây tìm nơi nghe Sám Giảng, đi chùa, lễ Phật làm những việc từ thiện. Họ lo tu niệm vì tin rằng sắp tới đời Thượng Ngươn, đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sẽ về, đức Phật Di Lặc ra đời, con người sẽ thay hồn, đổi xác là người hiền lương. Cho nên họ tập ăn hiền ở lành, để cầu mong qua khỏi cơn dịch bệnh và chiến tranh, nhất là chiến tranh nguyên tử.

Sám Giảng Huỳnh Phú Sổ cho biết việc đời và luôn khuyên tu niệm:

*Dương-trần kẻ trí người ngu,  
Ham vồng ham dù danh-lợi xuê-xang.  
Cờ đà đến nước bất an,  
Chẳng lo tu niệm tham gian làm gì  
Phật, Trời thương kẻ nhu-mì,  
Trọng cha, yêu Chúa kính vì Tổ-Tông.  
Ngồi buồn nói chuyện bông-lông,  
Khấp trong trần-hạ máu hồng nhuộm rơi.  
Chừng nào mới đặng thành-thời,  
Dậu Phật ra đời thế-giới bình-yên.*

Phật Giáo có kinh điển, dạy người ta tu học, còn các Đạo ở Miền Tây có Sám Giảng chỉ cho người ta thấy sự đời, dạy tu học để được sống còn dự Hội Long Hoa.

NS/PHẬT HỌC

## Thiền định

**một phương pháp biến cải tâm linh**  
Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

### Bài 19

#### Bốn đại nguyện của người bồ-tát

Bốn nguyện ước quan trọng nhất và cũng được xem là "Bốn đại nguyện" chủ yếu của người bồ-tát sẽ được nêu lên dưới đây, bốn đại nguyện này thường được những người Phật giáo tại các nước Viễn-đông mang ra tụng niệm hằng ngày:

*Tôi cầu mong sẽ giải tỏa được mọi khó khăn cho tất cả chúng sinh.*

*Tôi cầu mong loại trừ được mọi thứ đam mê. Tôi cầu mong khắc phục được tất cả mọi hiện tượng (dharma/pháp).*

*Tôi cầu mong hướng dẫn tất cả chúng sinh phát huy được Phật tính (xin nhắc lại, Phật tính hay Phật tánh là tiềm năng sâu kín nơi mỗi chúng sinh giúp mình trở thành một vị Phật).*

Bốn đại nguyện trên đây được nêu lên trong rất nhiều bài kinh Đại thừa, dường như điều này là một cách nhắc nhở những ai bước theo con đường Đại thừa nên chọn cho mình cách tu tập này. Thật vậy, dưới một góc nhìn nào đó, các lời nguyện ước trên đây nói lên những gì chủ yếu nhất đối với lý tưởng của người bồ-tát, tất nhiên là với điều kiện người tu tập phải tôn trọng lý tưởng đó một cách nghiêm chỉnh và mang ra luyện tập. Hơn thế nữa, người ta cũng có thể xem bốn nguyện ước trên đây không những phản ảnh lý tưởng của người bồ-tát, mà còn biểu trưng cho cốt lõi của cả Phật giáo nói chung.

Bốn lời nguyện đó nêu lên ý niệm về những gì mà những người tu tập Phật giáo phải thường xuyên luyện tập (*câu này thật hết sức quan trọng, chúng ta thường tu tập bằng cách cầu an cho mình và cầu siêu cho những người thân quá cố. Cách tu tập đó không những trái ngược lại với bốn đại nguyện trên đây mà cả chủ đích của Đại thừa*).

Những lời nguyện ước đó tuy mang tính cách cực đoan (*giúp đỡ tất cả chúng sinh, hoàn toàn tất cả, cho đến chúng sinh cuối cùng*) thế nhưng không được phép xem thường. Khi đã thốt lên: "Tôi cầu mong sẽ giải thoát được tất cả chúng sinh", thì tất cả chúng sinh ở đây phải thật sự là *tất cả (không loại trừ một chúng sinh nào)*. Dầu sao cũng không nên đưa các lời nguyện này vào các puja (*nghi lễ*) để thường xuyên tụng niệm như một thói quen. Tầm nhìn vũ trụ của Đại thừa hoàn toàn chính đáng (*giải thoát "tất cả" chúng sinh*), vì thế không nên mang ra tụng niệm một cách hời hợt được. Nếu xưng lên những lời nguyện ấy như là một cách luyện tập riêng tư của mình, thì đây sẽ là cách tạo ra sự trịnh trọng, nói lên lòng thiết tha của mình. Trái lại nếu cùng xưng lên những lời nguyện đó với toàn thể một đám đông trong một gian phòng thiền, thì ý nghĩa của lời nguyện là phải giúp đỡ tất cả chúng sinh, sẽ không còn giữ được sức mạnh của nó (*lời nguyện không mang tính cách tập thể, cũng không phải là một lời kêu gọi, mà là bốn phận của chính cá nhân mình*).

Bốn đại nguyện phản ảnh niềm ước vọng tâm linh của thật nhiều người, thế nhưng không có nghĩa là phải tuân thủ đúng như vậy và xem đó là những lời nguyện của mình. Kinh sách khẳng định thật rõ ràng là người Bồ-tát hoàn toàn tự do quy định các nguyện vọng riêng cho cá nhân mình (*thích hợp với bản tính và những sự mong mỏi của mình*). Điều chủ yếu là không được phép chọn các nguyện ước hẹp hòi và nhất thời, các nguyện ước đó phải mang một mục đích tối thượng, bao trùm tất cả. Khía cạnh đặc biệt nhất trong tất cả các lời nguyện ước của người Bồ-tát là tính cách toàn cầu. Lòng vị tha đối với cuộc đời tu tập của người Bồ-tát không có một giới hạn nào cả. Khi đã ý thức được vai trò quan trọng của lòng vị tha trong việc tu tập, thì chúng ta cũng sẽ hiểu rằng không thể nào áp đặt một giới hạn nào cả cho lòng vị tha đó của mình. Chúng ta không thể thốt lên: "Đây là tất cả những gì mà tôi có thể làm được cho kẻ khác, tôi không thể làm hơn như thế được". Ngay trong lúc này, rất có thể là mình chưa làm được gì nhiều, thế nhưng trên nguyên tắc chúng ta không được phép đặt ra một giới hạn nào cho những gì mà sự dẫn thân của mình đòi hỏi mình phải làm vì kẻ khác, ngay cả trong lúc mà mình vẫn chưa bắt tay vào việc.

Khi thốt lên lời nguyện thứ nhất trên đây đúng theo kinh sách: "*Tôi nguyện cầu sẽ cứu độ tất cả chúng sinh*", thì câu đó cũng có nghĩa là "*Khi nào cảnh huống xảy ra và khi nào tôi đã chuẩn bị xong thì tôi sẽ sẵn sàng hành động vì tất cả các chúng sinh khác, nhưng tôi sẽ không đặt ra một giới hạn nào cho các hành động đó của tôi*". Dầu sao chúng ta cũng không thể biết trước được các ước vọng ấy của mình sẽ đưa mình đến đâu, và cũng không thể biết được rồi đây mình sẽ phải làm những gì. Chúng ta chỉ biết là mình

đang hướng vào một sự mở rộng tối đa nhằm giúp đỡ chúng sinh nhiều chừng nào tốt chừng đó. Nếu việc loại bỏ cái tôi (cái ngã) không được dừng lại ở một cấp bậc nào đó, thì việc giúp đỡ chúng sinh cũng vậy, cũng sẽ không có một giới hạn nào. Chúng ta không thể hình dung được việc loại bỏ cái tôi (cái ngã) lại có thể dừng lại ở một cấp bậc nhất định nào đó (*không thể loại bỏ cái ngã hơn như thế được nữa*), cũng vậy những gì mình sẵn sàng thực hiện cho chúng sinh không có một ranh giới nào cả. Một khi đã dẫn thân vào con đường tâm linh, thì trước mặt mình sẽ không còn hiện ra một ranh giới nào, một đối tượng nào hay một chủ đích nào nữa cả. Đây chính là ý nghĩa đích thật ẩn chứa trong lời nguyện của người Bồ-tát: vượt thoát tất cả mọi ranh giới.

Trong một tập luận của Đại thừa mang tựa "*Sự toàn thiện Trí Tuệ*" với phiên bản 8000 câu (*Prajnaparamita-sutra, còn gọi là Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm kinh, là một bản kinh quan trọng nhất của Đại thừa, gồm nhiều phiên bản, từ rất ngắn với vài mươi câu dùng để tụng, cho đến thật dài gồm 10000, 18000, 25000 và 100000 câu*), từng nhấn mạnh đến vấn đề phải làm thế nào để nhận biết được một người Bồ-tát đích thật. Một trong các cách nhận biết đó là mỗi khi nêu lên với người Bồ-tát câu hỏi nirvana/niết-bàn là gì, thì tức khắc vì ấy sẽ trả lời đây là lòng từ bi. Qua một góc nhìn mở rộng hơn, nếu có ai hỏi mình về việc tu tập của mình là gì, và nếu mình trả lời là để phát triển tâm linh của mình, nhưng tuyệt nhiên không đá động gì đến lòng vị tha, thì đây có nghĩa là mình chưa thật sự bước vào con đường tu tập tâm linh. Chúng ta không nên chỉ biết khám phá con đường đó cho riêng cá nhân mình. Việc tu tập của mình liên hệ và tương tác với các kẻ khác, tạo ra một trách nhiệm chung. Nói một cách khác là chúng ta

phải ý thức được là lòng từ bi và trí tuệ phải luôn đi đôi với nhau (*trí tuệ giúp mang lại cho mình sự thăng tiến tâm linh, từ bi là phương tiện phát huy cái trí tuệ đó. Cả hai - trí tuệ và từ bi - cùng mở đường cho chúng ta bước vào thế giới. Sự Giác ngộ tối thượng chỉ có thể đạt được từ bên trong thế giới đó*).

Quả đáng tiếc, qua một số cảnh huống lịch sử, sự dân thân mang nặng lòng vị tha của Đại thừa thay vì được hiểu là một cách diễn đạt mới hơn về con đường nguyên thủy [của Đức Phật], thì lại được xem như là một con đường khác hẳn (*nhà sư Sangharakshita nêu lên "các cảnh huống lịch sử" phải chăng là có ý nói đến tình trạng bảo thủ của Phật giáo Theravada trên đảo Tích-lan, và Đại thừa là một con đường mới lạ tách ra khỏi Giáo huấn nguyên thủy của Đức Phật? Nhà sư Sangharakshita hoàn toàn không tán đồng các quan điểm này và cho rằng Đại thừa là một hình thức mở rộng, trực tiếp bùng lên từ Giáo huấn nguyên thủy của Đức Phật*).

Tuy nhiên, dù là một người bồ-tát hay một người còn đang ước vọng trở thành một người bồ-tát, thì cả hai phải chăng đều cần đến những lời phát nguyện trên đây giúp mình hội đủ sức mạnh thực hiện trọn vẹn con đường hướng vào sự toàn thiện (ba-la-mật)? Trong trường hợp bodhicitta (bồ-đề tâm) chưa thật sự hiện lên với mình như là một sự cảm nhận (an experience), tương tự như sự quán thấy xuyên thấu và siêu việt (*vipassana/ transcendent insight. Theo Phật giáo Theravada thì vipassana là sự quán thấy bản chất vô thường và khổ đau của thế giới, theo Đại thừa là sự quán thấy sự "trống không"/"tánh không"/sunyata và "bản chất đích thật của hiện thực" hay dharmata*), thì chúng ta vẫn còn phải cần đến những lời phát nguyện hỗ trợ cho mình (*giúp mình duy*

*trì và giữ vững quyết tâm của mình*). Khi nào bodhicitta thật sự hiện ra với mình thì khi đó những lời phát nguyện sẽ không còn là một phương tiện hỗ trợ nữa mà trở thành một sự cảm nhận (*an experience, tức là một cái gì đó mà mình cảm nhận được nó một cách rất thật và cụ thể*).

Theo truyền thống, khi người bồ-tát phát nguyện ước vọng của mình tạo được cho mình sự hiện hiện của bodhicitta, thì Đức Phật trước kết quả đó của người bồ-tát, sẽ báo trước với người này là sau cùng sẽ đạt được Giác ngộ. Nếu không chấp nhận sự kiện đó đúng như vậy (*đúng với lời tiên đoán của Đức Phật là người bồ-tát sẽ đạt được Giác ngộ*) thì người ta cũng có thể xem sự tiên đoán đó tương tự như tiếng vang, vọng lại từ tổng thể của vũ trụ nhằm hồi đáp lời nguyện ước của người bồ-tát. Lời nguyện của người bồ-tát hướng thẳng vào vũ trụ và vũ trụ cũng sẽ tạo ra một sự phản hồi trước các tác động tạo ra bởi lời nguyện đó. Nếu vũ trụ đó là một vũ trụ của đạo đức và tâm linh, thì cũng sẽ có một chút "tri thức" phát sinh (*một chút giác ngộ hiện ra với người bồ-tát*).

Lời nguyện của người bồ-tát mang tính cách công khai, do đó cũng là thành phần hiển nhiên của hiện thực, và đương nhiên sẽ tạo ra một sự phản hồi (*quy luật nguyên nhân - hậu quả*). Dưới một góc nhìn nào đó, sự tiên đoán trên đây cũng chỉ là một cách nói lên một sự kiện hiển nhiên nằm bên trong sự vận hành chung của tổng thể vũ trụ, nhằm bảo đảm cho lời nguyện ước đó [sẽ trở thành sự thật]. Đó là một thể loại vũ trụ mà nơi đó lời nguyện ước có thể thực hiện được, và cũng có thể xem điều đó như là một sự tất nhiên một khi lời nguyện ước đã được thốt lên, Đức Phật chỉ nêu lên sự kiện đó mà thôi. Thế nhưng cũng nên hiểu rằng sự tiên đoán

đó [của Đức Phật] không có nghĩa là người bò-tát sẽ chắc chắn đạt được Giác ngộ, và bắt đầu từ thời điểm đó người bò-tát sẽ không còn tự do nữa (*không chủ động và hoàn tất được sự thực hiện lời nguyện ước của mình là mãi mãi không chấp nhận sự Giác ngộ để có thể giúp đỡ tất cả và tất cả chúng sinh*). Đức Phật với một sự quán thấy vượt khỏi yếu tố thời gian, có thể trông thấy khi nào người bò-tát sẽ đạt được Giác ngộ, thế nhưng chính người bò-tát, với một sự nhận thức còn lệ thuộc vào các kích thước thời gian, sẽ còn phải tiếp tục thật sự ra sức thực hiện mục đích đó [một cách cụ thể].

Bures-Sur-Yvette, 02.10.20  
Hoang Phong chuyển ngữ

**Pháp Cú**

HT. Thích Minh Châu dịch

**Phẩm Bà La Môn**

**383**

*Hỡi này Bà-la-môn,  
Hãy tinh tấn đoạn lòng,  
Từ bỏ các dục lạc,  
Biết được hành đoạn diệt,  
Ngươi là bậc vô vi.*



## Đường Mây

Thơ: **Hoang Phong**

*Đường mây trăm nẻo thênh thang,  
Con đường nhỏ nhỏ yêu thương lối nào?  
Xuôi miền phố chợ lao xao,  
Hay miền núi thẳm bước vào hoang sơ?*

*Người đi từ thuở bao giờ?  
Người về mây độ xuân hờ còn vương?  
Đưa chân trong cõi vô thường,  
Bước vào vạn nẻo trăm đường tử sinh.*

*Chôn nào một cõi vô minh.  
Dặm em mây nẻo dặm tình bao xa?  
Bước nào lạc lối trong ta?  
Yêu thương càng rộng càng xa lối về.*

*Xa xăm vạn nẻo sơn khê.  
Dặm em chỉ một lối về mà thôi.  
Gian truân trăm nẻo đường đời,  
Hồng mây nhưng nhớ lưng trời nhẹ bay.*

*Yêu thương nhỏ nhỏ lối này,  
Ngã vào nhưng nhớ cánh tay em hờ?  
Hay là sông nước mấy bờ,  
Bến này là mộng hững hờ đường mây?*

Bures-Sur-Yvette, 29.01.11

## **Câu Chuyện Thật Của Một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần, Một Bệnh Nhân Trẻ Của Ông, và Cách Chữa Trị Tiên Kiếp Đã Thay Đổi hẳn Đời Sống của Cả Hai.**

(Khởi đăng từ NS PHẬT HỌC số 327)

Catherine hít một hơi dài.

### **CHƯƠNG SÁU**

Bây giờ tôi ấn định các buổi thôi miên hàng tuần cho Catherine vào cuối ngày vì các buổi này phải mất chừng vài tiếng. Cô vẫn có bề ngoài thanh thản khi cô đến vào tuần kế tiếp. Cô đã nói chuyện bằng điện thoại với cha cô. Không cho cha cô biết chi tiết nào, cô đã tha thứ cho ông theo cách của cô. Tôi chưa bao giờ thấy cô thanh thản như thế. Tôi kinh ngạc về sự tiến bộ nhanh chóng của cô. Rất hiếm có một bệnh nhân với nỗi lo âu kinh niên và sợ hãi thâm chí thâm căn cố đế chuyển biến quá đột ngột như vậy. Mặt khác, dĩ nhiên Catherine không phải là một bệnh nhân thường, và tiến trình chữa trị cho cô là duy nhất.

"Tôi nhìn thấy một con búp bê sứ để trên mặt loại lò sưởi nào đó." Cô đã rơi nhanh vào hôn mê sâu. "Có những cuốn sách ở cả hai bên gần lò sưởi. Đó là một căn phòng trong một ngôi nhà nào đó. Có những cây đèn nên gần con búp bê và một bức tranh chân dung ... một bộ mặt, mặt của một người đàn ông... Đó là ông ta..." Cô đang quan sát căn phòng. Tôi hỏi cô, cô nhìn thấy gì.

"Một loại thảm phủ sàn nhà. Nó xù xù giống như ... đó là da thú... phải một loại da thú phủ sàn nhà. Bên phải có hai cửa kính... dẫn ra ngoài hành lang. Có bốn bậc - những cái cột ở mặt tiền - Có bốn bậc thêm đi xuống. Những bậc này dẫn ra một con đường. Nhiều cây to bao chung quanh... Có một vài con ngựa bên ngoài. Những con ngựa được buộc vào .... mấy cái cọc ở phía trước".

Tôi hỏi , "Cô có biết chỗ ấy ở đâu không?"

"Cô thì thào, "Tôi không biết địa điểm", "nhưng năm, năm phải ở đâu đây. Đó là thế kỷ thứ mười tám, nhưng tôi không biết ... có cây cối và hoa vàng, những bông hoa vàng rất đẹp". Cô bị xao lãng bởi những bông hoa này. "Mùi hoa tuyệt vời; ngọt ngào, những bông hoa... những bông hoa kỳ lạ, những bông hoa to lớn... những bông hoa vàng nhị đen ở giữa hoa". Cô tạm ngừng, vẫn còn ở giữa những bông hoa. Tôi nhớ đến những cánh đồng hoa hướng dương ở miền nam nước Pháp. Tôi hỏi cô về khí hậu tại đây.

"Rất ôn hòa, không gió nhiều. Không nóng mà cũng chẳng lạnh". Chúng tôi không đạt được sự tiến triển nào trong việc nhận dạng ra nơi nào. Tôi đưa cô trở lại ngôi nhà, xa rời những đóa hoa vàng quyến rũ, và tôi hỏi cô chân dung để trên lò sưởi.

"Tôi không thể ...Tôi vẫn nghe Aaron... tên ông đó là Aaron." Tôi hỏi liệu ông ta là chủ nhà không. "Không, con ông ta mới là chủ nhà. Tôi làm việc ở đây". Lại một lần nữa cô được phân vai là người hầu. Cô chưa bao giờ được đến gần tượng của Cleopatra hay Napoleon. Những người nghi ngờ về đầu thai luân hồi, kể cả bản thân tôi được huấn luyện khoa học cho đến tận hai tháng vừa qua, thường trông đợi vào tình trạng hay xảy ra về hóa thân hơn của những người nổi tiếng rất nhiều. Bây giờ tôi thấy mình đang ở một vị thế bất thường nhất vì đã chứng minh được luân hồi bằng khoa học ngay tại văn phòng của Khoa Tâm Thần. Và hơn thế nữa, luân hồi đang được khám phá.



"Căng tôi rất ..." Catherine tiếp tục, "rất nặng. Nó bị đau. Hầu như là nó không ở đây... Chân tôi đau. Ngựa đá tôi". Tôi bảo cô hãy nhìn vào chính mình.

"Tôi có tóc màu nâu, tóc nâu xoắn. Tôi mang một loại mũ bê rê, một loại mũ bê rê trắng ... một bộ đồ xanh với một loại tạp dề bên ngoài ... tạp dề. Tôi trẻ nhưng không phải là đứa trẻ con. Nhưng chân tôi đau. Việc mới xảy ra, tôi bị đau kinh khủng". Trông cô thấy rõ là rất đau." Móng ngựa... móng ngựa. Nó đá tôi bằng móng của nó. Con ngựa này thật hắc búa". Giọng cô trở nên dịu hơn vì cuối cùng cơn đau đã giảm. "Tôi có thể ngửi thấy mùi cỏ khô, cỏ khô trong chuồng. Có người đang làm việc trong khu chuồng ngựa". Tôi hỏi về nhiệm vụ của cô.

"Tôi có bốn phen hầu hạ ... hầu hạ trên nhà lớn. Tôi cũng phải làm việc vắt sữa bò". Tôi muốn biết nhiều hơn về những người chủ.

"Người vợ khá tròn trĩnh, trông rất vụng về. Có hai đứa con gái... Tôi không biết chúng". Cô nói thêm, đoán trước câu hỏi tiếp theo của tôi là liệu có người nào đã hiện thân trong đời sống hiện tại của Catherine không. Tôi hỏi về gia đình cô ở thế kỷ thứ mười tám.

"Tôi không biết, Tôi không nhìn thấy họ, Tôi không thấy ai ở với tôi. Tôi hỏi có phải cô sống ở đây không. "Vâng tôi sống ở đây, nhưng không phải ở tòa nhà chính. Một cái nhà rất nhỏ ... họ cho chúng tôi. Có những con gà. Chúng tôi nhặt trứng. Trứng gà màu nâu. Nhà tôi rất nhỏ ... và trắng... một phòng. Tôi thấy một người đàn ông. Tôi sống với người này. Anh ta có bộ tóc xoắn và mắt xanh". Tôi hỏi phải chăng họ là vợ chồng.

"Không phải trong nghĩa vợ chồng, không." Có phải cô sinh ra ở đây không? Không, Tôi được mang về vùng này khi tôi còn rất trẻ. Gia đình tôi rất nghèo". Người đàn ông

của cô dường như không thân thuộc. Tôi bảo cô đi xa hơn nữa trong đời sống này để tìm ra biến cố có ý nghĩa hơn.

"Tôi nhìn thấy cái gì đó trắng... trắng với nhiều dải trên đó. Phải là một cái mũ. Một loại mũ bê rê, với những lông vũ và dải trắng."

"Ai đội mũ ấy. Có phải - Cô ngắt lời tôi.

"Bà chủ ngôi nhà này, dĩ nhiên". Tôi cảm thấy hơi ngớ ngẩn. Đó là đám cưới của một trong hai người con gái. Toàn bộ cơ ngơi này tham gia lễ cưới." Tôi hỏi cô báo chí có nói gì về đám cưới này không. Nếu có tôi muốn cô nhìn vào ngày tháng.

"Không, tôi không tin là có báo chí tại đây. Tôi không thấy cái gì như thế. Khó mà tìm được tài liệu để chứng minh ở kiếp sống này". " Cô có thấy cô trong đám cưới này không?" Tôi hỏi. Cô to tiếng trả lời nhanh chóng.

"Chúng tôi không dự đám cưới. Chúng tôi chỉ nhìn thấy người ta ra vào. Những người đầy tớ không được phép".

"Cảm nghĩ của cô thế nào?"

"Ghét".

"Tại sao? Họ đối xử với cô không tốt ư?"

Cô trả lời dịu dàng, "Vì chúng tôi nghèo, và chúng tôi bị ràng buộc với họ. Chúng tôi không thể sánh với những gì họ có".

"Cô có bao giờ ra khỏi cơ ngơi này không? Hay cô ở đây suốt đời?"

Cô trả lời có vẻ dăm chiêu. "Tôi ở đây suốt đời". Tôi cảm thấy nỗi buồn của cô. Cuộc đời của cô vừa khó khăn vừa vô vọng. Tôi bảo cô tiến tới ngày chết.

"Tôi thấy một ngôi nhà. Tôi thức dậy muộn, đang nằm dài trên giường. Họ cho tôi uống một thứ gì đó, một thứ gì ấm. Có mùi bạc hà. Lòng ngực tôi rất nặng nề. Rất khó thở ... Tôi đau nơi ngực và lưng... Đó là một nỗi đau tồi tệ ... rất khó diễn đạt". Cô thở nhanh và thở hắt ra, trong nỗi đau ghê gớm. Sau ít phút hấp hối, mặt cô dịu lại và thân thể cô giãn ra. Hơi thở của cô trở lại bình thường. "Tôi đã rời khỏi thân xác". Giọng cô to và khàn khàn. "Tôi nhìn thấy một ánh sáng tuyệt vời ... Có người lại với tôi. Họ đến để giúp tôi. Những người tuyệt vời. Họ không sợ hãi... Tôi cảm thấy rất nhẹ nhàng..." Ngưng khá lâu.

"Cô có suy nghĩ nào về kiếp sống mà cô vừa bỏ đi không?"

"Đó là sau này. Bây giờ, tôi cảm thấy an bình. Đây là lúc an ủi. Người tham dự phải được giải khuây. Linh hồn ... linh hồn tìm thấy an bình nơi đây. Bạn để lại tất cả đau đớn thể xác sau bạn. Linh hồn của bạn an lạc và thanh thản. Đó là một cảm giác tuyệt vời... . tuyệt vời, như thể mặt trời luôn luôn chiếu sáng vào bạn. Ánh sáng thật rực rỡ ! Mọi thứ xuất phát từ ánh sáng ! Năng lượng xuất phát từ ánh sáng. Linh hồn của chúng ta đi ngay đến đó. Nó hầu như giống một lực từ trường lôi cuốn chúng ta vào. Thật là tuyệt vời. Nó giống như nguồn sức mạnh. Nó biết cách chữa lành."

"Nó có màu sắc không?"

"Nó nhiều màu sắc." Cô ngưng lại và nghỉ ngơi trong ánh sáng này.

Tôi đánh bạo hỏi, "Thế cô đang kinh qua cái gì?"

"Không có gì cả... chỉ là sự an bình mà thôi. Bạn đang ở giữa đám bạn bè. Họ đều ở đây. Tôi nhìn thấy rất nhiều người. Một số người rất quen, một số người không quen. Nhưng chúng tôi ở đây, chờ đợi". Cô tiếp tục đợi và ít

phút chậm chạp trôi qua. Tôi quyết định đây nhanh nhịp độ.

"Tôi có câu hỏi"

"Về ai" Catherine hỏi.

"Một người nào đó - cô hay các Bạc Thầy", Tôi quanh co, " Tôi nghĩ rằng hiểu biết điều này sẽ giúp chúng tôi. Câu hỏi như thế này : Chúng ta chọn thời điểm và cách sinh ra, cách chết không? Chúng ta có thể chọn tình thế không? Có thể chúng ta chọn thời điểm né tránh nữa không? Tôi nghĩ hiểu được việc đó thì sẽ giảm nhiều sợ hãi. Có người nào ở đây có thể trả lời câu hỏi này không?" Căn phòng hình như lạnh lẽo. Khi Catherine nói lại, giọng cô sâu hơn và âm vang hơn. Đó là một giọng nói mà tôi chưa từng nghe trước đây. Đó là giọng nói của một thi nhân.

"Vâng, chúng ta chọn khi chúng ta nhập vào trạng thái thể chất của chúng ta, và khi chúng ta rời bỏ. Chúng ta biết khi chúng ta đã hoàn thành cái mà chúng ta được gửi xuống nơi này để hoàn tất. Chúng ta biết khi nào thời điểm đến, và bạn sẽ phải chấp nhận cái chết của bạn. Vì bạn biết là bạn chẳng kiếm được gì nữa ngoài kiếp sống này. Khi bạn có thời gian, khi bạn đã có thời gian để nghỉ ngơi và tiếp sinh lực lần nữa cho linh hồn của bạn, bạn được phép tái nhập lại trạng thái vật chất. Những người do dự, những người không chắc chắn quay về nơi đây, họ có thể mất cơ may cho họ, cơ may để chu toàn điều họ phải làm khi họ ở trong trạng thái vật chất".

Tôi hoàn toàn biết ngay đó không phải là Catherine nói. "Ai là người đang nói với tôi," tôi cầu khẩn; "Ai đang nói"

Catherine trả lời với giọng thì thào quen thuộc . "Tôi không biết. Giọng nói của một người nào đó ... . chính người kiểm soát sự

việc, nhưng tôi không biết là ai. Tôi chỉ có thể nghe tiếng người ấy và cố gắng nói cho ông biết người ấy nói gì."

Cô cũng biết kiến thức này không bắt nguồn từ nơi cô, không phải từ tiềm thức, cũng không phải từ vô thức. Thậm chí không phải từ cái ngã siêu thức của cô. Bằng cách này cách khác cô đã nghe được và truyền đạt cho tôi, những lời nói và tư tưởng của một người nào đó rất đặc biệt, một người nào đó "kiểm soát sự việc." Bởi vậy một Bậc Thầy khác đã xuất hiện, khác hẳn vị thầy hay một số thầy từ những lời phán truyền đầy thông thái trước đây. Đó là một thần linh mới, với một giọng nói và kiểu cách tiêu biểu, rất nên thơ và thanh thản. Đó là Bậc Thầy nói về cái chết không chút lưỡng lự, tuy giọng nói và tư tưởng thấm đượm tình thương yêu. Tình thương yêu dường như nồng ấm và thiết thực, tuy vô tư và phổ quát. Tình thương đó dường như hạnh phúc tột đỉnh, nhưng không che giấu, hay xúc động hay trói buộc. Nó tiếp sức cho cảm nghĩ về tình thương vô tư, hay lòng trù mến vô tư và nó hình như thân thuộc xa xôi.

Giọng thì thào của Catherine trở nên lớn hơn. "Tôi không có niềm tin vào những người này."

"Không có niềm tin vào những người nào" Tôi chất vấn.

"Vào những Bậc Thầy."

"Không có niềm tin?"

"Không, tôi không có niềm tin. Đó là lý do tại sao đời tôi quá khó khăn. Tôi đã không có niềm tin ở trong kiếp sống đó." Cô bình tĩnh đánh giá cuộc sống của cô ở thế kỷ thứ mười tám. Tôi hỏi cô đã học hỏi được gì trong kiếp sống đó.

"Tôi biết nóng giận và hận thù, biết nuôi dưỡng cảm nghĩ của tôi đối với người ta. Tôi cũng biết là tôi đã không kiểm soát được đời tôi. Tôi muốn kiểm soát nhưng tôi không có gì. Tôi phải có niềm tin ở các Bậc Thầy. Các Thầy sẽ hướng dẫn tôi thông suốt. Nhưng tôi lại không có niềm tin. Tôi cảm thấy như thể là bị thất bại ngay từ lúc đầu. Tôi không bao giờ nhìn vào sự việc một cách vui vẻ. Chúng ta phải có niềm tin ... chúng ta phải có niềm tin. Nhưng tôi lại nghi ngờ. Tôi chọn nghi ngờ thay vì tin tưởng". Cô ngưng lại.

"Cô nên làm gì, và Tôi làm gì để làm cho chúng ta tốt hơn? Phải chăng con đường của chúng ta vẫn như thế?" Tôi hỏi. Câu trả lời của Bậc Thầy tuần trước đã nói về sức mạnh trực giác và sự trở về từ hôn mê bất tỉnh. Giọng nói, kiểu nói, âm thanh, tất cả đều khác với Catherine lẫn vị Thầy phái nam, thi nhân vừa mới nói.

"Con đường của mỗi người trên cơ bản là giống nhau. Tất cả chúng ta phải học hỏi một số thái độ trong khi chúng ta ở trong trạng thái vật chất. Một số người trong chúng ta chấp nhận chúng nhanh hơn những người khác. Lòng nhân từ, hy vọng, niềm tin, tình thương ... tất cả chúng ta phải biết và biết rõ những điều này. Không phải chỉ có một hy vọng, một niềm tin, và một tình thương - có nhiều thứ nuôi dưỡng một trong những thứ này. Có rất nhiều cách để diễn tả chúng. Và tuy vậy chúng ta chỉ mới kết nối một chút vào mỗi một..."

"Người của những đoàn thể tôn giáo đã tới gần hơn bất kỳ ai ở trong số chúng ta vì họ đã có những lời nguyện và sự tuân theo. Họ nhượng bộ nhiều mà không đòi hỏi gì trở lại. Phần còn lại của chúng ta tiếp tục đòi hỏi ân huệ - giải thưởng và sự liên hệ cho cách ứng xử của chúng ta ... khi không có giải thưởng mà chúng ta muốn. Giải thưởng nằm trong việc làm, nhưng việc làm mà không trông đợi

gì, làm một cách không vị kỷ.

Catherine thêm bằng một giọng thì thầm dịu dàng, "Tôi đã không biết điều đó."

Tôi bối rối một lần bởi từ "trong trắng" nhưng tôi nhớ nghĩa gốc của nó là "thanh khiết" nói đến ở một trạng thái rất khác với trinh tiết. Cô tiếp tục. "Không phải là ham mê thái quá, điều gì làm quá nhiều... quá nhiều Bạn sẽ hiểu. Bạn sẽ thực sự hiểu". Cô lại ngừng.

Tôi thêm, "Tôi đang cố gắng". Rồi tôi quyết định tập trung vào Catherine. Có lẽ các Bậc Thầy chưa rời đi. "Tôi có thể làm gì tốt nhất để giúp Catherine vượt qua sợ hãi và lo âu? Và học hỏi được những bài học của cô? Đó có phải là cách tốt nhất không, hay tôi phải thay đổi cái đó? Hay phải đi vào một nơi đặc biệt? Làm sao tôi có thể giúp cô tốt nhất? "

Câu trả lời đến từ một giọng sâu của Bậc Thầy thì nhân. Từ trên ghế tôi nhào người về phía trước.

"Ông đang làm điều đúng. Nhưng điều đó cho ông chứ không phải cho cô ấy. Một lần nữa, lời nhắn nhủ nói là vì lợi ích của tôi nhiều hơn là cho Catherine.

"Cho tôi?"

"Đúng. Cái mà chúng tôi nói là cho ông." Không những ông đang đề cập đến Catherine ở ngôi thứ ba mà ông còn nói "chúng tôi". Quả thực có một vài Thần Linh Bậc Thầy có mặt.

"Có thể cho tôi biết tên của các Ngài được không?" Tôi lập tức cau mày vì bản chất trần tục của câu hỏi. "Tôi cần sự hướng dẫn. Tôi có quá nhiều điều muốn biết."

Câu trả lời là một bài thơ về tình thương, một

bài thơ về đời tôi và cái chết của tôi. Giọng nói dịu dàng và êm ái, và tôi cảm thấy một tình yêu vô tư của một thần linh hoàn vũ. Tôi nghe trong lòng kính sợ.

"Ông sẽ được hướng dẫn vào đúng lúc. Ông sẽ được hướng dẫn ... đúng lúc. Khi ông hoàn thành điều mà ông đã được phái đến đây để hoàn tất, rồi đời ông sẽ chấm dứt. Nhưng không phải trước lúc ấy. Ông có nhiều thì giờ ở tương lai... rất nhiều thì giờ."

Tôi vừa lo vừa thoát cơn sợ hãi. Tôi vui ông không nói gì đặc biệt nữa. Catherine trở nên bồn chồn. Cô thì thào.

"Tôi đang rơi, rơi xuống ... cố tìm ra đời tôi... rơi xuống. Cô thờ dài và tôi cũng thờ dài. Các Bậc Thầy đã đi khỏi. Tôi trầm ngâm với lời giáo huấn huyền diệu, những lời nhắn gửi rất cá tính từ các nguồn gốc rất thần linh. Ngụ ý tràn đầy. Ánh sáng sau khi chết và đời sống sau khi chết; sự chọn lựa của chúng ta khi chúng ta sinh ra và khi chúng ta sẽ chết; sự hướng dẫn chính xác và không sai lầm của các Bậc Thầy; các kiếp sống được đo lường trong các bài học được học và trong các nhiệm vụ đã được thực hiện không phải trong những năm tháng; về lòng nhân từ, hy vọng, niềm tin, và tình thương yêu; làm mà không mong đợi được đền đáp - kiên thức này là cho tôi. Nhưng cho mục đích gì? Tôi được gửi đến đây để hoàn thành cái gì?"

Những lời nhắn gửi ấn tượng mạnh và những biến cố đổ như thác đổ vào tôi trong phòng mạch phản ảnh những thay đổi sâu xa trong đời sống cá nhân và gia đình tôi. Sự thay đổi từ từ len lỏi vào nhận thức của tôi. Thí dụ, tôi đang lái xe đưa con trai tôi đi tới xem trận đấu bóng chày của trường đại học khi chúng tôi bị kẹt xe. Tôi lúc nào cũng rất khó chịu khi bị kẹt xe và bây giờ chúng tôi sẽ mất lượt chơi đầu hay lượt chơi thứ hai của trận đấu. Tôi thấy không khó chịu. Tôi không còn trách

cứ người lái xe kém cỏi nào đó. Cơ bắp cổ tôi và vai tôi thấy thoải mái. Tôi không cúi kính với con tôi, và chúng tôi vượt qua thời gian trong khi nói chuyện với nhau. Tôi nhận thấy rằng chỉ muốn có một buổi chiều vui vẻ với Jordan để xem trận đấu mà cả hai cha con tôi đều vui vẻ. Mục đích của buổi chiều hôm đó là được ở cùng nhau. Nếu tôi khó chịu và giận dữ, cuộc đi chơi có lẽ đã bị hỏng.

Tôi nhìn vào các con tôi và vợ tôi và băn khoăn không biết chúng tôi có ở với nhau từ trước không. Phải chăng chúng tôi đã lựa chọn để cùng nhau chia sẻ những thử thách và những thảm kịch và những niềm vui của đời sống này? Phải chăng chúng tôi trẻ mãi không già? Tôi cảm thấy lòng thương yêu và trìu mến to lớn đối với vợ con tôi. Tôi hiểu rằng những thiếu sót và sai lầm của họ đều rất nhỏ nhoi. Những điều đó thực sự không quan trọng. Tình thương yêu mới quan trọng.

Thậm chí tôi thấy mình bỏ qua những thiếu sót của chính tôi vì cùng một lý do. Tôi không cần phải cố gắng để được hoàn hảo hay lúc nào cũng biết kiểm chế. Thực sự không cần gây ấn tượng cho ai.

Tôi rất sung sướng được chia sẻ kinh nghiệm này với Carole. Chúng tôi nói chuyện với nhau sau bữa cơm chiều và đưa ra những cảm nghĩ và phản ứng của tôi về những buổi thôi miên với Catherine. Carole có bộ óc phân tích và có kiến thức vững vàng. Carole biết tôi vất vả xiết bao theo đuổi các công việc với Catherine bằng một cách thận trọng và khoa học, và Carole vờ phản đối để giúp tôi nhìn vào tin tức một cách khách quan. Vì những bằng chứng có tính quyết định chông chát cho thấy quả thực Catherine đang bộc lộ những sự thật tuyệt vời, Carole tin và chia sẻ sự linh hội và niềm vui của tôi.

(Còn tiếp)

## Đức Phật Thầy Tây An

### Phúc Trung

#### I - Dẫn nhập:

Miền Nam sông không sâu, núi không cao, đất rộng, người thưa, lịch sử mở mang bờ cõi không dài, chỉ mới chừng 300 năm, vậy mà đã khai sinh ra nhiều mối đạo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Cao Đài... Chắc chắn đức Phật Thầy Tây An là một vị nổi danh hơn cả, người Miền Tây không ai là không từng một lần nghe đến tên Ngài. Cho nên người Phật Tử chúng ta tìm hiểu về Ngài và ảnh hưởng của Ngài, tưởng cũng là một điều cần thiết.

#### II - Tiểu sử:

Miền Nam ngày trước sách vở ghi chép những sự kiện thật là hiếm hoi, chính vì vậy mà ngày nay khó tìm cho rõ nguồn gốc của đức Phật Thầy, căn cứ vào mộ bia, vào linh vị thì đức Phật Thầy sanh vào giờ Ngọ, ngày Rằm tháng Mười năm Đinh Mão (1807), chánh quán ở làng Tòng Sơn, nay là xã Mỹ An Hưng, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Tên họ Ngài là Đoàn Văn Huyền, không rõ tên thân phụ và thân mẫu của Ngài, nhưng mộ của thân mẫu Ngài ở rạch Cái Nai thuộc An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, ngôi mộ này người ta gọi là mộ Phật Mẫu.

Có lẽ khi còn niên thiếu thì song thân qua đời, từ đó Ngài đã đi tầm sư học đạo, người ta cũng không rõ Ngài đã đi học đạo ở đâu, với ai và bao lâu. Chỉ biết vào khoảng đầu năm 1849, Ngài trở về làng Tòng Sơn bằng chiếc xuồng con, tá túc ở mái sau đình làng.

Năm đó, bệnh “bệnh thời khí” nổi lên ở những làng khác, rồi lan sang làng Tòng Sơn (Vài mươi năm về trước, ở Việt Nam, bệnh thời khí là một thứ bệnh nguy hiểm, vừa ới mưa, vừa bị tiêu chảy nên thân thể mau mất nước và chết, còn dịch tả chỉ bị đi tiêu chảy, nhẹ hơn, nó lây lan nhanh chóng vì ruồi muỗi, vì thức ăn uống không nấu chín...). Theo lệ xưa, mỗi khi có bệnh thời khí hay bệnh dịch, Làng nhóm họp lại tại đình để bàn định việc đóng “bè thủy lục”, làm heo, gà, vịt, cúng vái để “tống ôn dịch” ra khỏi làng. (Bè thủy lục thường làm bè chuối để nổi trên nước, không tốn kém, to hay nhỏ đăng để đủ vật cúng, có khi có cả mái che như cái nhà, luôn luôn cắm cờ xí xanh, vàng, đỏ, vật cúng như heo, gà, tam xên, bánh trái, gạo muối...).

Trong khi làng đang nhóm họp như thế thì Ngài lại khuyên nên tin tưởng Trời, Phật tìm Thầy chữa trị, không nên giết hại súc vật cúng kiếng vừa mê tín, vừa mang tội sát sanh. Làng không bằng lòng lời Ngài khuyên và thấy Ngài là người lạ, không rõ tông tích đến cư ngụ tại đình, Làng quyết định sai Thị Sự báo cho Ngài phải rời khỏi làng, được thông báo này, Ngài xin Thị Sự sắm khai lễ, để Ngài trình làng về lai lịch của mình.

Do yêu cầu của Ngài, chức việc làng đã họp lại để nghe Ngài trình lai lịch, lúc đó người ta mới biết tổ phụ Ngài gốc gác người làng Tòng Sơn, trong làng còn có hai người anh em chú bác, đó là ông Đoàn Văn Điều và ông Đoàn Văn Viên, hai ông này được làng cho đòi tới để kiểm chứng. Hai ông tới nơi không nhận biết Ngài, sau đó Ngài phải kể lại những chuyện xưa trong gia đình, lúc đó hai ông mới biết Ngài là thân tộc của mình. Việc này và ngôi mộ thân mẫu Ngài ở rạch Cái Nai, chứng tỏ gia đình đã rời khỏi làng

khi Ngài còn niên thiếu, đã có đủ trí khôn để nhớ đến việc gia đình, và cũng vì khi Ngài rời khỏi làng lâu rồi, lúc Ngài còn quá nhỏ, nay trở về đã 43 tuổi nên hai người kia không thể nhận ra Ngài, vậy gốc gác Ngài chính thật là người làng Tòng Sơn.

### III - Hành đạo:

Ngay sau khi trình bày lai lịch cho làng biết, nhận họ hàng anh em, Ngài mới giảng giải đạo lý cho mọi người nghe rồi liền xuống xuồng đi đến rạch Trà Bư thuộc xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới tỉnh An Giang, nơi đây Ngài vạch để sậy bên bờ rạch, che túp lều tranh để ở. Anh em ông Điều, ông Viên và vài dân làng Tòng Sơn bơi xuồng theo, mời Ngài trở về ở Tòng Sơn để gần họ hàng và trị những người bị bệnh dịch. Ngài từ chối trở về, nhưng cho biết có để lại một cây cờ ở sau đình để trị bệnh dịch. Những người ấy trở về làng, tìm thấy cây cờ, họ xé ra, đốt rồi pha nước cho người bệnh uống, người bệnh khỏi, khi nhiều người bệnh dùng hết cây cờ, người ta lấy cọc cờ đốt lấy tro pha với nước uống cũng khỏi, khi đã hết cờ, hết cán cờ, người ta lại kéo nhau vào rạch Trà Bư để xin thuốc chữa bệnh. Thuốc của Ngài chỉ là giấy vàng (loại giấy mỏng, màu vàng thường người ta hay dùng để vẽ bùa với mực màu đỏ hay đen), tro, nhang hay bông hoa.

Rời nghe tin ở làng Kiến Thạnh (nay là làng Long Kiến, huyện Chợ Mới) có dịch hoành hành, Ngài rời Trà Bư bơi xuồng đến rạch Xẻo Môn. Ở đây, Ngài chọn cách làm cho dân chúng phải tin một cách nhanh chóng, bằng cách đến nơi vào đêm khuya không ai hay biết, rồi Ngài ngồi trên bàn thờ thần hoàng của đình làng Kiến Thạnh (xưa kia ở vàm Chân Đùn, chớ không phải tại đình Long Kiến như ngày nay). Sáng sớm ông Từ

vào trong đình, thấy trên bàn thờ thần có một người ngồi, ông thất kinh hồn vía, vừa la bài hải vừa chạy, Ngài gọi ông Từ lại và cho biết mình là Phật giáng trần để cứu dân, độ thế. Ông từ định tâm lại, người ngồi trên bàn thờ thần hoặc là bị bệnh “tâm thần” hoặc là “đáng siêu phàm”, cho nên ông Từ phải kiểm chứng lại, bằng cách yêu cầu Ngài trị bệnh thời khí cho một người còn trẻ tên Thuông ở ngay bên cạnh đình. Ngài nhận lời điều trị ngay và người ấy được cứu khỏi bệnh, từ đó người ta lan truyền ra, thiên hạ đua nhau đến xin phép để trị bệnh, Ngài vừa trị bệnh vừa giảng dạy mọi người ráng làm lành lánh dữ, niệm Phật, còn ông Thuông về sau làm đến chức Hương Cả trong làng.

Vì người ta tập nập đến đình để xin thuốc chữa bệnh, làng sợ bị quan trên quở trách vì tụ tập đông người tại đình, sẵn có cái cốc của ông Kiến không người ở, nên ba hôm sau, Làng yêu cầu Ngài sang đó cho tiện việc chữa bệnh, phát thuốc và khuyến đạo. Ở đây Ngài thâu nhận đệ tử và sửa sang cốc, bài trí cách thờ cúng, trên bàn thờ chỉ có “Tâm Trần Điều” (tâm vải màu điều tượng trưng cho vô vi), nước lã và hoa. Về sau nơi đây cất thành chùa Tây An Cổ Tự, năm 1952 khởi công cất lại chùa này, rằm tháng Giêng năm Quý Tỵ (1953) làm lễ Khánh Thành, chùa cất rất khang trang cho đến nay.

Có lẽ có người vì tâm địa không tốt, hay vì lý do gì đó nên đã mật báo với Huyện Đông Xuyên (nay là Thị xã Long Xuyên) Ngài là ông đạo giả hiệu để tụ tập nhiều người, không có lợi cho sự trị an. Quan Huyện phải báo cho Tỉnh. Tổng Đốc tỉnh An Giang đã cho một người Cai và đội lính đến để đưa Ngài về tỉnh thẩm tra xem giả hay thật, có mưu đồ chi để phản nước hại dân không.

Tại đây người ta đã giam Ngài, lại bày ra

những cuộc thử xem coi Ngài có thần thông, bùa phép gì không. Ngài đã chứng tỏ mình là bậc chân tu, ăn chay, niệm Phật lo cứu dân độ thế, khuyến giảng cho người ta biết ăn hiền ở lành, từ đó tỉnh báo về triều đình Huế, trường hợp của Ngài. Triều đình Huế vốn kính Phật, trọng tăng cho nên dạy Ngài muốn tu phải trở thành Tăng, xuống tóc, quy y Tam Bảo.

Ngài tuân theo chiếu chỉ của triều đình, cắt tóc và quy y đầu Phật. Lễ quy y do một vị Thiền sư dòng Lâm Tế thuộc phái Nguyên Thiều cử hành tại chùa Tây An, núi Sam, Ngài được đặt pháp danh là Pháp Tạng. Tóc đã cắt, Ngài phân chia gửi cho một số đệ tử, nay con cháu họ vẫn còn gìn giữ.

Sau khi quy y rồi, Ngài ở lại chùa Tây An để hành đạo và gần tỉnh thành cho các quan dễ bề theo dõi sự truyền bá đạo của Ngài.

Về chùa Tây An, theo Đại Nam Nhất Thống Chí, Lục Tỉnh Nam Việt Tập Hạ, viết về chùa này như sau: “*Chùa Tây An ở địa phận thôn Vĩnh Tế, huyện Tây Xuyên; nguyên Tổng đốc Mưu lược tướng Tuy Tĩnh Tử Doãn Uẩn kiến trúc năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Chùa đứng trên núi, mặt trước trông ra tỉnh thành, phía sau dựa theo vòm núi, tiếng người lặng lẽ, cổ thụ âm u, cũng một thắng cảnh thuyên lâm vậy.*”

Từ chùa Tây An ở núi Sam, là ngôi chùa có Thiền Tông, không hợp với chủ trương truyền bá phương pháp tu của Ngài, nên Ngài lập trại ruộng ở Thới Sơn (xưa kia có tên là trại ruộng Hưng Thới), có trại để thờ phượng và tu theo đường lối Ngài chủ trương, sau này cất chùa là Thới Sơn tự, lại có một trại ruộng khác cách đó chừng hai cây số, nơi đây trước chỉ để hai con trâu (gọi là ông Sấm và ông Sét), sau này cũng cất

chùa là Phước Điền tự. Hai nơi này Ngài giao cho hai đệ tử là ông Tăng Chủ và ông Đình Tây trông nom. Về sau đức Phật Thầy có lập trại ruộng Bửu Hương Các ở Láng Linh, nơi này Ngài giao cho đệ tử là đức Cô Quán Trần Văn Thành trông nom. Về sau con đức Cố Quán là ông Hai Nhu cất chùa, đặt tên là Bửu Hương Các tự, nay thuộc Thạnh Mỹ Tây, quận Châu Phú tỉnh An Giang.

Ngài viên tịch tại chùa Tây An vào trưa ngày 12 tháng Tám năm Bính Thìn (1856), thọ 50 tuổi đời, Ngài chỉ hành đạo khoảng 7 năm. Mộ Ngài hiện nay ở tại chùa Tây An, dưới chân núi Sam, Châu Đốc, đặc biệt mộ không có đắp nấm mồ, chỉ là khoảng đất bằng, quanh năm không có cỏ mọc. Có dựng bia mộ bằng đá. Người ta truyền tụng rằng đức Phật Thầy dạy: Người chết dùng 7 miếng tre (cho nam) hay 9 miếng tre (cho nữ) bó chiếu rồi đem chôn, mồ không cần đắp nấm.

Linh vị của Ngài ghi :

*Ngươn sanh Đinh mảo niên, thập ngoạt, thập ngũ nhật, ngộ thời, hưởng dương ngũ thập tuế.*

*Cung thỉnh Lâm Tế chánh tông tam thập bát thế, thượng Pháp hạ Tạng tánh Đoàn, pháp danh húy Minh Huyền đạo hiệu Giác linh chứng minh.*

*Vãng u Bính Thìn niên, bát ngoạt thập nhị nhật, ngộ thời nhi chung.*

#### IV - Chủ trương và lập phái Bửu Sơn Kỳ Hương:

Chùa Tây An ở núi Sam thờ nhiều tượng Phật và Bồ Tát, đây là chùa Thiên Tôn thuộc phái Lâm Tế, chỉ là nơi Ngài quy y và tạm ở tu, gần tỉnh thành cho quan lại của

triều đình dễ bề kiểm soát. Còn đức Phật Thầy có đường lối, chủ trương riêng như thờ cúng đơn giản, tại các trại ruộng do Ngài lập ra, bàn thờ chỉ trang thiết một tấm trần điều, cúng nước lạnh, bông hoa, nhang đèn, chỉ niệm lục tự Di Đà chứ không có tụng kinh. Ngài có dạy cho đệ tử thân cận những phép tu luyện, họ có thể trị bệnh bằng phù phép, về giáo lý Ngài dạy chung cho tín đồ tựu trung là: “Học Phật, tu nhân”.

Về học Phật căn bản là Tam học : Giới, Định, Huệ.

Về tu nhân là phải lo báo đáp bốn ân : Ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào và nhân loại. Cho nên về sau, những người tu theo đường lối của Ngài, người ta gọi là tu theo đạo Hiếu Nghĩa. Về sau người ta đã lập ra Giáo Hội Phật Giáo Tứ Ân

Những người quy y với Ngài hay đệ tử của Ngài, họ được cấp cho một Diệp quy, thường người ta gọi là “tờ phái” hay “lòng phái” là một tờ giấy vàng, có in dấu sơn chữ Hán: Bửu Sơn Kỳ Hương, nên cũng được gọi là Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

#### V - Môn nhân đệ tử:

Về đệ tử, đức Phật Thầy có 12 vị lỗi lạc nhất được gọi là “Thập Nhị Hiền Thủ”, nay chỉ còn biết một số vị:

A) Đức Cố Quán Trần Văn Thành (? - 1873): Người làng Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, làm chức Chánh Quản Cơ dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức. Ông quy y với đức Phật Thầy ở Xẻo Môn, sau khi đức Phật Thầy vào núi Sam cất chùa, ông giao hết ruộng đất, nhà cửa cho cháu, rồi đưa cả vợ con theo đức Phật Thầy, ông



được giao cho trông nom trại ruộng ở Láng Linh. Sau khi 3 tỉnh miền Tây mất, ông có chiêu binh chống lại Pháp, ở Bãi Thưa và Láng Linh, một trận Pháp bao vây năm 1873 ông bị mất tích, nghĩa quân tan rã. Một đời của ông vì đạo, vì nước, đúng với tôn chỉ tu nhân của đức Phật Thầy. Ông là đệ tử đầu tiên của đức Phật Thầy, vừa cao niên, lại có chức phận Chánh Quản Cơ đảng cựu, nên người đời tôn xưng ông là đức Cố Quản. Ông được Phật Thầy giao cho cắm bốn cây thẻ quanh vùng Thất sơn, một cây ở Kinh đào, một cây ở Vĩnh Hanh, còn hai cây kia người ta không nhớ, đức Phật Thầy dạy về sau đừng ở trong khu vực bốn cây thẻ đó, vì khi tới đời, núi nỏ có đèn đài cung điện, đá vắng sẽ chết người.

B) Ông Tăng Chủ (?): họ Bùi, không rõ tên thật, không vợ không con, có lẽ vì ông làm chủ trại ruộng, sống như vị Tăng cho nên người ta gọi ông là Tăng chủ - có người cho là đức Phật Thầy đặt tên là Tăng Chủ- và ông cũng thường ngồi thiền để tu luyện như một thiền sư, cho nên ngày nay mộ bia ông ghi: “Tăng Chủ Bùi Thiên Sư”.

C) Ông Đình Tây (1802 - 1890): Tên thật là Bùi Văn Tây, không rõ gốc tích (có người cho là gốc gác ở Năng Gù, huyện Châu Thành tỉnh An Giang, điều này chắc không đúng, vì kẻ viết bài là người Năng Gù, chưa từng nghe ai nói như vậy), là cháu cũng là con nuôi của ông Tăng Chủ, người được đức Phật Thầy giao cho những vật để bắt sáu thân gọi là “Ông Năm chèo”.

D) Ông Nguyễn Văn Xuyên (1834 - 1914): Còn gọi là Đạo Xuyên, quê ở Ba Giác, Mỏ Cày tỉnh Bến Tre, quy y với đức Phật Thầy khi ông lên 17 tuổi, cách đi giảng đạo của ông là đi ghe giăng buồm chạy trên sông, khi hết gió ngừng lại chỗ nào thì giảng

đạo chỗ đó, ông đi quanh vùng Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên giảng đạo. Ông có dựng chùa Châu Long Thới ở Cái Dầu, Châu Đốc.

E) Ông Đạo Ngoạn (1820 - 1890): Tên thật là Đặng Văn Ngoạn, người làng Nhị Mỹ, Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Ông có lập chùa ở Trà Bông (Cao Lãnh) và có nhiều đệ tử ở đây.

G) Ông Đạo Lập (?): Tên thật là Phạm Thái Chung, quê quán ở xã Đa Phước, còn gọi là Còn Tiên, ở bên kia thành phố Châu Đốc, đối diện với Châu Giang, gọi là Đạo lập vì ông có lập ngôi chùa Bồng Lai tại Bãi Bài, thuộc xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang. Ông là một cao đệ của đức Phật Thầy có tài ba, huyền thuật kì bí, Phật pháp ông cao thâm, tín đồ đông đảo.

H) Ông Đạo Lãnh (?): Còn gọi là ông Hai Lãnh, không rõ gốc gác ở đâu, ông có vợ là bà Nguyễn Thị Ngôn ở Nhà Bàn, tỉnh An Giang, hai ông bà đều là đệ tử của đức Phật Thầy. Năm 1859, người Miên nổi loạn ở Láng Cháy, vợ con chết hết trong trận này, ông mới tu và đắc đạo, trị bệnh cho nhiều người, sau lên Gò Sặt ở Kampuchea hành đạo, có nhiều đệ tử người Miên. Ông tịch và thiêu ở nơi đây. (2)

## VI - Những vấn đề cần nêu lên:

- Đức Phật Thầy trị bệnh bằng phù phép: Điều này hiển nhiên, cho chúng ta biết Ngài có thần thông hay quyền năng, Ngài dùng nó để cứu dân, độ thế và đệ tử chân truyền của Ngài cũng dùng nó để cứu nhân độ thế, khuyên người ta ăn hiền ở lành, lo niệm Phật. Những đệ tử không thân cận, đức Phật Thầy không hề dạy pháp bí truyền.

- Ngài thuộc dòng Lâm Tế Chánh

*Tông:* Theo bài vị, pháp hiệu Ngài là Minh Huyền, điều này hoàn toàn đúng với phổ hệ Lâm Tế của Thiền sư Đạo Mẫn, được Ngài Nguyên Thiều truyền ở trong Miền Nam. Gần đây, Phật Giáo tỉnh Đồng Nai, khám phá ra có ngôi chùa Kim Cương và tháp của Ngài Nguyên Thiều, tọa lạc ở Bến Cá, gần núi Bửu Long thành Phố Biên Hòa, điều đó càng chứng tỏ Tổ Nguyên Thiều có truyền đạo ở miền Nam, theo phổ hệ ấy có :

*Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên,  
Minh Như Hồng Nhựt Lệ Trung  
Thiên,  
Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong  
Phổ,  
Chiếu Thế Chơn Đăng Vạn Cổ Huyền.*

Ngài Đạo Mẫn là tổ Thiền Tông phái Lâm Tế thứ 31 theo đó chữ Minh thuộc đời thứ 38. Đức Phật Thầy đã quy y theo dòng Lâm Tế thuộc chùa Giác Lâm, nên sau khi Ngài tịch, không có đệ tử nào của Ngài là Tăng, bởi vì đệ tử của đức Phật Thầy đều là cư sĩ, chỉ trừ có Tăng Chủ không vợ con và có lẽ ông hay ngôi thuyền luyện đạo cho nên được gọi là Thiền sư, và lại Ngài truyền mối đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, chớ không phải truyền đạo Phật dòng Lâm Tế.

- *Phép thờ cúng khác với chùa chiền:* Mặc dầu đức Phật Thầy dạy người ta tu học theo Phật, nhưng cách thờ cúng chỉ có thờ tâm trần điều, cúng nước lã, bông hoa và niệm Nam Mô A Di Đà Phật, chớ không có tụng kinh, chuông mõ. Đời sống thì khai khẩn đất đai làm ruộng nương, tự túc. Dù hình thức bị khép vào Thiền Tông, nhưng Ngài vẫn thi hành riêng con đường hành đạo của Ngài, lập ra phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Tu rất giản dị, chung lộn với thế nhân để hành Bồ Tát đạo, lo trị bệnh cứu nhân, độ thế, khuyến giăng để mọi người ăn hiền ở lành, lo làm ăn

và tu tâm niệm Phật.

- *Ông Năm Chèo:* Người ta tin nó là con sấu thần, có năm chân (như ghe có năm chèo, để chèo trên sông nước) mũi đỏ, ẩn mình dưới cù lao nào đó, sau sẽ nổi lên ở Vàm Nao, há miệng ra ăn thịt tất cả những người không có tu nhân tích đức. Theo truyền khẩu, một đêm kia đức Phật Thầy vào trại ruộng Thới Sơn dạy ông Đình Tây đi xuống Láng Linh để cứu người, ông liền tức tốc xuống vùng đó, có người đàn bà đang đau bụng đẻ, nhà đơn chiếc, ông Đình Tây liền lo cắt chòi, rước mụ cho người ấy sanh (hồi xưa, cách nay chừng 30 năm, ở nhà quê có người sanh, phải che một cái chòi bên cạnh nhà cho người ấy sanh, rước một bà mụ vườn để lo đỡ đẻ, cắt rốn cho trẻ sơ sanh). Gia đình nghèo, người chồng tên Xinh phải đi câu phược (đi câu cá lóc ban đêm), khi trở về thấy vậy, người chồng mang ơn vô cùng, sẵn trong giỏ có con sấu mũi đỏ, năm chân, cho là con vật kỳ lạ nên anh ta biếu ông Đình Tây để đền ơn. Ông Đình Tây nuôi vài năm đã lớn, nó bỏ đi bắt vịt của người ta để ăn, sự phá hại ấy làm cho nhiều người kêu ca, ông Đình Tây không bắt nó lại được nên trình cho đức Phật Thầy rõ, Ngài cho biết nó là con vật linh, sau này nó sẽ nổi lên ở Vàm Nao (nơi sông Tiền Giang và Hậu Giang giao nhau ở vùng Hòa Hảo), nó sẽ ăn thịt tất cả những người không tu hành, do đó Ngài rèn một lưỡi câu, một cây mum, hai cây lao và đánh một sợi dây ngũ sắc, giao cho ông Đình Tây để sau này, dùng những vật ấy câu bắt con sấu thần có năm chân, được mệnh danh là “Ông Năm Chèo” đó.

Theo chỗ chúng tôi nghĩ, con sấu ấy có thật, các vật để câu sấu có thật, ngày nay con cháu ông Đình Tây ở Nhà Bàn, Châu Đốc còn giữ, nhưng con sấu ấy cả trăm năm rồi, nó chẳng hề ăn vịt, bắt người nào cả. Đáng

lý ra, nó cũng phải nổi lên mặt nước để thờ, để bắt mối, phải ăn để sống chớ, vậy mà tuyệt nhiên không có những việc ấy xảy ra, cho nên chúng ta phải hiểu đây là việc đức Phật Thầy dùng làm CỐ để răn đời, bởi vì ai mà không sợ “sầu tha, ma bắt!”, nhưng khi làm việc ác nhân thất đức, thì lại không sợ tội phước, chẳng màng đến nhân quả, cho nên Ngài dùng ông Năm Chèo để răn dạy những người ở ác phải răn mà tu nhân.

- *Danh từ Phật Thầy và Bửu Sơn Kỳ Hương*: Chúng ta biết chắc rằng, đức Phật Thầy có những thần thông, có tâm lòng từ lớn, trị bệnh cứu đời, giảng đạo vang danh lục tỉnh, làm cho biết bao nhiêu người tin theo, họ tôn xưng Ngài là Phật Thầy vì đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni được tôn danh là đức Phật Tổ, dưới Tổ là Thầy, vì lẽ đó mà tôn xưng Ngài là đức Phật Thầy. Còn Bửu Sơn Kỳ Hương, hiểu nôm na là núi báu có mùi thơm kì lạ, danh tự ấy trước tiên, nó có trong tên Bửu Hương Các ở trại ruộng Láng Linh (núi Liên Hoa Sơn tục gọi là núi Tượng, cũng gọi là núi Voi còn có tên là Kỳ Hương, xét ra không có liên quan gì với chữ Bửu Sơn Kỳ Hương, vì chỉ có Thiên Cầm Sơn hay núi Cầm, mới là nơi quan trọng, quý báu. Vì theo đức Phật Thầy dạy, sau này núi sẽ nở ra, trong ấy có đèn vàng, điện ngọc, có Minh vương ra đời). Sở dĩ mỗi đạo của đức Phật Thầy được gọi là BỬU SƠN KỶ HUƠNG, vì người nào sau khi quy y với đức Phật Thầy, ngài đều phát cho đệ tử của mình một tờ phái, trong lòng tờ phái ấy có ghi chữ BỬU SƠN KỶ HUƠNG, vì vậy người sau mới gọi Đạo Phật của Ngài là Bửu Sơn Kỳ Hương.

Theo sưu tầm của ông Vương Thông, những người xưa kể lại thì :

*Chữ BỬU là hiệu Phật Vương,*

*Chữ SON Phật Thầy tin tưởng phước du.*

*Chữ KỶ là hiệu Bốn Sư (3),*

*Chữ HUƠNG Phật Trùm (4) bốn chữ phải mang.*

## VII - Kết luận:

Đạo Phật thuở miền Nam còn sơ khai, chắc chắn là chưa có tổ chức nề nếp, giáo Pháp cũng không được chân truyền, người ta tin nhiều nơi Ông Tà, bà cốt, người ta bị mê tín dị đoan. Đức Phật Thầy ra đời để sửa sang mỗi đạo, Ngài phải mượn những phương tiện bùa chú để cho mọi người tin theo, từ đó Ngài mới dạy người ta làm lành lánh dữ, ăn chay, niệm Phật, dạy người Phật Tử phải có bốn phận đền trả bốn ân, trong đó có ân đất nước, do đó tinh thần bảo vệ đất nước, chống Pháp, chống ngoại xâm đã được Ngài gieo trồng từ đó.

Công đức Ngài to lớn biết bao đối với đạo Pháp và Dân tộc, ảnh hưởng Ngài vẫn còn sâu rộng ở các tỉnh miền Hậu Giang. Ai có đến núi Sam, hãy vào chùa Tây An viếng mộ Ngài, thắp nơi đó một nén hương, tâm thành chắc vẫn được Ngài chứng cho; vùng Thất Sơn kia, ngày nào có người tu, vẫn còn ngộ đạo. Thật là Bửu Sơn Kỳ Hương vậy.

*Ngày 23 - 3 - 1997*

## Tham khảo:

- Nguyễn Văn Hầu và Dật Sĩ (Trần Văn Nhựt): “Thất Sơn Mâu Nhiệm”, Thiên Lâm, USA, 1996

- Tái Lâm: “Ông Sư Vãi Bán Khoai”, Thiên Lâm, USA, 1996

- Huỳnh Bá Nhệ và Nguyễn Văn Sáu: “Gia Phả Họ Phan và Họ Nguyễn”, Việt Nam, 1974

**Ghi chú:**

1 - Chép vào năm 1985, theo bản chép tay của ông Nguyễn Văn Mùi ở Gia Định.

2 - Người ta cho rằng ông Đạo Lãnh là thuộc tướng của đức Cố Quân, điều này hoàn toàn không đúng. Theo quyển gia phả do ông Huỳnh Bá Nhệ, giáo học tại Thị Xã Châu đốc và ông Nguyễn Văn Sáu, giáo học trường Tiểu Học Chợ Quán lập, có ghi sự tích ông Hai Lãnh : Ông Hai Lãnh có vợ là bà Nguyễn Thị Ngôn ở Nhà Bàn, tỉnh An Giang, hai ông bà đều là đệ tử của đức Phật Thầy, năm Kỷ Mùi 1859, Miên nổi loạn ở Láng Cháy, ông bị Miên bắt với người em dâu thứ Năm của vợ và mấy đứa cháu. Bà Ngôn thấy chồng, em dâu là vợ của Năm Tín, và mấy cháu bị bắt, nghĩ rằng tất cả sẽ bị giặc giết nên bà bồng con vào nhà nổi lửa tự thiêu cả hai mẹ con, về sau bà cũng hiển linh lắm (ông Sĩ Hiền có đăng một bài báo về sự linh hiển của bà hai Ngôn, vợ ông Lãnh đã cứu một đoàn nghĩa binh chống Pháp năm 1946, Báo Đuốc Nhà Nam ngày 22 - 6 - 1970), ông Năm Tín trốn gần đó, thấy chị mình tự thiêu chạy về định cứu, bị hai tên giặc Miên bắt, ông nắm kéo cả hai tên Miên vào nhà chết cháy luôn.

Giặc Miên lúc đó, hễ ai bị bắt mà có vợ, có chồng thì tha, do đó vợ Năm Tín bèn chỉ ông Hai Lãnh là chồng, giặc tha cả hai và mấy con của người em. Ông Hai Lãnh được tha về, vì em dâu nhận mình là chồng, ông cho đó là sự loạn luân, lại thêm cảnh thê thảm, giặc giết dân làng, vợ con, em vợ bị chết, ông buồn bỏ nhà đi lang thang (có thể ông đã luyện đạo trong thời gian này chăng?), lúc ấy ông hiển đạo, biết việc quá khứ, vị lai và trị bệnh rất linh nghiệm, cả người Miên cũng phục ông, nhứt đầu, ông lấy tay vỗ lên trán, bệnh khác nặng nhẹ ông cho uống

nước lã dạy niệm Phật sẽ khỏi, ông có chế thuốc cao và bán khoai lang ở kinh Vĩnh Tế, ông có ra cuốn sách giảng “Ông Bán Khoai” , vài năm sau ông lên Gò Sắt tu, bốn đạo ông khá đông là người Miên, sau ông tịch ở Gò Sắt, trong những vật dụng thiêu với ông, có một cây lọng bằng giấy cán tre không cháy, cháu ông để thờ, trong nhà trẻ con bệnh, mài cán lọng pha với nước uống thì khỏi. Theo sự cúng giỗ của cháu vợ (con ông thứ Tư), ông mất vào ngày 14 tháng 4 âm lịch (không rõ năm nào).

Ông truyền dạy cho người trong gia đình, khi ra khỏi nhà, khi đi đâu trở về nhà, lúc lên giường ngủ, lúc thức dậy nên niệm Nam Mô A Di Đà Phật .

3 - Đức Bốn Sư (? - 1890) tên thật là Ngô Lợi, sanh ở Dội gần Mộc Bài, biên thùy Việt Miên thuộc Châu đốc, Ngài trị bệnh, truyền đạo, pháp thuật cao cường.

4 - Đức Phật Trùm (?), ông là người Miên, ở Sóc Lương Phi, núi Tà Lơn, tỉnh Biên, Châu đốc, năm 1868, ông bị bệnh thời khí chết, rồi sống lại, nói tiếng Việt, bắt vợ con ăn ở như người Việt, ông hay dùng đèn sáp đốt cho bệnh nhân xem và ngửi mà hết bệnh, nên còn gọi là ông Đạo Đèn, còn ông tự xưng :

Tuy là phân xác của Mên,  
Hôn Trùm của Phật xuống lên dạy đời.



# Đôi nét về đạo Tứ ân hiếu nghĩa

Trần Minh Thu



*Tam Bảo Tự ở Ba Chúc huyện Tri Tôn, An Giang*

*Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời tháng 5 năm 1867 tại Cù lao Ba (huyện An Phú, tỉnh An Giang ngày nay), do ông Ngô Lợi (ông còn có tên gọi khác là Ngô Viện, Cao Văn Do, Bảy Do, Năm Thiếp) sáng lập. Ông sinh tại Mỏ Cày - Bến Tre, là sỹ phu Cần Vương, tham gia khởi nghĩa ở vùng Mỹ Tho - Tiền Giang, bị giặc truy nã, ông chạy vào vùng Thất Sơn - An Giang ẩn thân.*

## **I. Khái quát lịch sử ra đời và quá trình phát triển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa**

Thế kỷ XIX là thời kỳ chế độ phong kiến ở nước ta suy tàn, nhân dân phải chịu cảnh lầm than khổ cực. Khi đó, thực dân Pháp tiến hành xâm l-ược nước ta (1858). Trong cảnh nước mất, nhà tan, ngư-ời nông dân mất nhà cửa, ruộng đất, gia đình ly tán,

cuộc sống của nhiều người tưởng chừng vô vọng. Tru-ớc bối cảnh đó, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã ra đời như- một “phương thuốc” cứu thế cho một bộ phận nông dân Nam bộ.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời tháng 5 năm 1867 tại Cù lao Ba (huyện An Phú, tỉnh An Giang ngày nay), do ông Ngô Lợi sáng lập. Ông sinh tại Mỏ Cày - Bến Tre, là sỹ phu Cần Vương, tham gia khởi nghĩa ở vùng Mỹ Tho - Tiền Giang, bị giặc truy nã, ông chạy vào vùng Thất Sơn - An Giang ẩn thân.

Khi mới ra đời, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đư-ợc ông Ngô Lợi gọi là đạo *Thờ ông bà*, sau này tín đồ gọi đạo của mình là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Việc truyền đạo được ông Ngô Lợi thực hiện qua việc chữa bệnh, khi bệnh dịch đang hoành hành. Sau này, ông gắn việc truyền đạo với quá trình

tập hợp nông dân khai hoang lập ấp, xây dựng căn cứ cách mạng. Trong quá trình ổn định cuộc sống của tín đồ ở núi Tượng, ông Ngô Lợi đã cho xây dựng chùa miếu để thực hành nghi lễ, đẩy mạnh việc truyền đạo rộng rãi ở vùng Thất Sơn và các vùng xung quanh để thu nạp tín đồ. Trong thời gian không lâu, đã có rất nhiều người đi theo ông để học đạo. Năm 1870, Ngô Lợi chính thức nhận danh hiệu Đức Bổn sư.

Hình thức và cách thức tuyên truyền, phát triển đạo của Đức Bổn sư Ngô Lợi là thể hiện nội dung “*Tu nhân - học Phật*” qua các bộ kinh hoặc chuyển thành các thể thơ dưới dạng Sấm văn với lời lẽ bình dị, mộc mạc dễ nhớ và dễ đi vào lòng người, rất phù hợp với trình độ và điều kiện hoàn cảnh của nông dân lúc bấy giờ. Do đó, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nhanh chóng được người nông dân tiếp nhận.

Sau khi ông Ngô Lợi viên tịch tại núi Tượng (1890), đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không có người kế vị, các mối đạo đều giao cho ông Trò, ông Gánh phụ trách. Không lâu sau, một số ông Gánh rời vùng Thất Sơn đi các nơi khác truyền đạo. Vì vậy, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa hình thành hai hệ thống: Một hệ thống được duy trì ở các làng được coi là thánh địa của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa như: An Định, An Hoà, An Thành, An Lập thuộc vùng Thất Sơn - An Giang. Tín đồ ở các làng này được gọi là tín đồ nội thôn. Hệ thống thứ hai là tín đồ ở những nơi mà các ông Gánh đi truyền đạo như Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu... hệ thống này được gọi là ngoại thôn.

Tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có chung niềm tin tôn giáo sâu sắc, đó là thực hiện “*Tứ đại trọng ân*”. Họ gọi nhau là thân bằng và có tính cộng đồng, bởi quan điểm yêu thương đồng bào đã thấm nhuần trong tư tưởng của họ. Từ khi Đức Bổn sư Ngô

Lợi truyền bá đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến trước năm 1975, số lượng tín đồ phát triển rất đông, khoảng hơn 10 vạn người. Sau giải phóng miền Nam, đời sống kinh tế, văn hoá-xã hội của tín đồ được nâng lên, nhưng nhu cầu dựa vào yếu tố tôn giáo của một bộ phận tín đồ nhạt dần, làm cho tôn giáo nội sinh này khó có thể phát triển và mở rộng phạm vi hoạt động.

## II. Giáo lý, giáo luật và lễ nghi của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

### 1. Giáo lý, giáo luật, kinh sách

Tôn chỉ hành đạo của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là “*Hành Tứ ân - Sống hiếu nghĩa - Vì đại đoàn kết dân tộc*”. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa lấy đạo hiếu làm đầu, không thừa nhận ly gia cắt ái, không đặt ra giới luật khắt khe và không có sự phân biệt, kiêng kỵ khác nhau giữa chức sắc và tín đồ. Cũng giống như giáo lý của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là *Tu nhân - học Phật*, nhưng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã phát triển ở nhiều khía cạnh và cụ thể hơn.

*Về tu nhân*: Đức Bổn sư Ngô Lợi dạy tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa phải tu nhân vì phải trau dồi đạo đức thì mới hoàn thành tốt công việc và sống tốt với mọi người trở thành người có ích cho xã hội. Tu nhân có nghĩa là phải thực hiện tứ đại trọng ân: ân cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào.

Ân tổ tiên, cha mẹ: cha mẹ là người có công sinh thành dưỡng dục ta, vì vậy đền đáp công lao trời biển ấy mới xứng đáng là đạo làm người. Đồng thời phải biết ơn ông bà, tổ tiên là thế hệ đã sinh thành ra cha mẹ. Để đền đáp công ơn tổ tiên, cha mẹ ta phải làm những điều tốt đẹp, làm vui lòng cha mẹ, tránh những điều xấu ảnh hưởng đến tổ tiên, ông bà. Bên cạnh đó, ta phải biết chăm lo cúng giỗ tổ đường. Chính xuất phát từ việc phải báo hiếu cha mẹ, ông bà nên đạo

Tứ Ân Hiếu Nghĩa không chủ trương ly gia cắt ái để đi tu.

Ân đất nước: đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cho rằng tổ tiên, cha mẹ và chúng ta, ai cũng có quê hương đất nước - nơi chôn nhau cắt rốn và nuôi dưỡng mỗi chúng ta. Vì vậy, phải có bổn phận bảo vệ quê hương, đất nước mỗi khi có giặc ngoại xâm, xây dựng quê hương giàu mạnh.

Ân tam bảo: phải đền ơn tam bảo gồm Phật, Pháp, Tăng bằng cách noi theo những lời Phật dạy, truyền bá đến mọi người để loại trừ lòng ham muốn hẹp hòi, cùng hướng tới chân, thiện, mỹ.

Ân đồng bào, nhân loại: phải biết sống với đồng bào bằng tình huynh đệ vì đó là những người cùng màu da, cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ buồn, vui. Ngoài ra, mỗi chúng ta còn chung sống với nhân loại trên trái đất, vì vậy không được phân biệt màu da, chủng tộc, phải sống trong hoà bình.

Như vậy, tu nhân trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa rất gần gũi với quan niệm “tu nhân tích đức” của người Việt Nam. Tu nhân, với nội dung chủ yếu là thực hiện tứ đại trọng ân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa là hoà nhập vào cuộc sống thực tại để đáp ứng những yêu cầu của cuộc sống chứ không phải vì kiếp sau.

Kinh sách của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là những lời giáo huấn được viết bằng chữ Hán của Đức Bổn sư Ngô Lợi, trong đó có ba bộ kinh chủ yếu là: Bà-la-ni Kinh, Kinh pháp bửu trường sanh và Kinh siêu độ. Mỗi cuốn kinh có nội dung riêng cho từng vấn đề, có thể nêu một số cuốn kinh phổ biến sau:

- Cuốn kinh đầu tiên là Bà-la-ni Kinh được dùng tụng niệm nhiều trong các dịp cúng lễ.

- Cuốn thứ hai là Linh Sơn Hội Thượng Kinh, là cuốn kinh mà tín đồ phải

thuộc vì nó hướng dẫn rõ nội dung, nghi thức các bước cúng dường và một số bài kinh tụng hàng ngày.

- Hiếu nghĩa kinh là cuốn nói về hiếu nghĩa ở đời.

- Siêu thăng kinh là cuốn kinh mang nội dung cầu siêu cứu độ vong linh các vị tiền nhân có công với đạo, với làng.

Bên cạnh hệ thống kinh sách truyền giảng đạo lý, nghi thức thờ cúng, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có hệ thống Sám văn (còn gọi Sám giảng) được các cao đồ (ông Trò, ông Gánh) sáng tác để cụ thể hoá những lời dạy của Đức Bổn sư Ngô Lợi-. Được viết bằng thể thơ lục bát, ngũ ngôn, thất ngôn nhằm phục vụ những bài cúng dường và khuyên răn người đời tu nhân, tích đức nên Sám văn được truyền miệng rộng rãi và dễ dàng bám sâu vào tiềm thức của tín đồ.

## 2. Về thủ tục nhập đạo

Nghi thức nhập đạo của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là thể lệ mang tính long trọng của việc đón nhận thành viên gia nhập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Việc gia nhập đạo là hoàn toàn tự nguyện, không phân biệt, lựa chọn hay hạn chế các đối tượng gia nhập, miễn là người đó thực hiện được những quy định của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Người muốn vào đạo trước hết phải tìm đến Đức Bổn sư, các đệ tử của ông hoặc sau này là ông Trò hay ông Gánh để tìm hiểu và biết cụ thể hơn về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Khi đã chấp nhận *thọ giáo* thì người đó đến gặp một trong những vị nói trên để được tiến hành các thủ tục nhập đạo. Tín đồ nào thọ giáo với vị Trưởng Gánh nào thì trở thành *thân bằng* của Gánh đó. Thông thường đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tổ chức thọ giáo cho tín đồ vào ba dịp trong năm là Lễ Thượng nguyên (rằm tháng Giêng), Lễ Trung nguyên (rằm tháng Bảy) và Lễ Hạ nguyên (rằm tháng Mười). Người được thọ giáo phải đến chùa

Tứ Ân Hiếu Nghĩa cúng lạy, sau đó vái ở bàn thờ Tam Bửu gia để khẳng định mình đã thuộc về Gánh đó. Vị Trưởng gánh phát cho tín đồ mới bộ *Lòng phái* gồm có: Lòng phái, Thế độ, Thái kiệt, Tiên sinh và Trần Điều. Sau 3 năm kể từ ngày thọ giáo, tín đồ được Trưởng gánh cho nhận thêm *Bùa đời*. Bộ Lòng phái là báu vật của tín đồ, đối với họ, nó không những có ý nghĩa xác nhận tín đồ là thành viên của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa mà còn là bảo linh được mang trước ngực lúc sống và mang theo người lúc chết để phù hộ cho người đó.

### III. Chức sắc, chức việc và hệ thống tổ chức đạo

#### 1. Chức sắc, chức việc đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Người sáng lập ra đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được gọi là *Đức Bồn sư*. Đức Bồn sư gọi tín đồ là *Bá gia*. Dưới Đức Bồn sư là các đại đệ tử, còn gọi là các cao đồ. Trong số các cao đồ được phân ra những chức năng cụ thể khác nhau: những người phát huy ý tưởng của Đức Bồn sư được gọi là ông Trò; những người thay mặt Đức Bồn sư chăm lo việc đạo của một nhóm tín đồ được gọi là ông Gánh.

Giúp việc cho Trưởng gánh có Thông tín, Cư sỹ và Thủ lễ. Thông tín là người thông báo các ngày lễ, các sự việc như tang ma, cưới hỏi, ốm đau cho mọi người trong Gánh biết và đứng ra quyên góp tiền bạc, phẩm vật khi cần thiết. Mỗi Gánh có 1 đến 2 Thông tín.

Cư sỹ là người có nhiệm vụ soạn sớ, điệp, tụng kinh, thỉnh chuông, mõ trong các buổi cúng lễ. Tùy theo số lượng tín đồ, mỗi Gánh có từ 2 đến vài chục Cư sỹ.

Thủ lễ có nhiệm vụ chuẩn bị bàn ghế, bố trí công việc, thắp hương và dâng cho các Trưởng gánh nguyện hương trong các buổi cúng lễ.

Thực tế cho thấy, trình độ học vấn của các chức sắc, chức việc thấp. Do vậy, có nhiều hạn chế trong việc hướng dẫn tín đồ thực hiện các lễ nghi tôn giáo, việc truyền giảng giáo lý... làm cho tôn giáo này khó phát triển rộng.

#### 2. Hệ thống tổ chức đạo

Trong quá trình tồn tại và phát triển, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không chủ trương lập các tổ chức hành chính của đạo từ Trung ương đến cơ sở như một số tôn giáo khác. Người đứng đầu là Đức Bồn sư, dưới Đức Bồn sư là các đại đệ tử, hay còn gọi là các cao đồ. Trong số các cao đồ được phân ra những chức năng cụ thể khác nhau: những người phát huy ý tưởng của Đức Bồn sư được gọi là ông Trò; những người thay mặt Đức Bồn sư chăm lo việc đạo của một nhóm tín đồ được gọi là ông Gánh.

Gánh của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là nơi tập hợp tín đồ cùng thọ giáo với một ông Gánh. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 24 Gánh, đứng đầu Gánh là Trưởng Gánh, Trưởng Gánh không phải do bầu cử mà suy cử, thông thường do cha truyền con nối hoặc truyền hiền, họ là người có nhiều hiểu biết về đạo pháp và uy tín trong tín đồ. Trưởng Gánh có nhiệm vụ trông coi việc đạo, tổ chức cúng lễ trong Gánh. Trưởng hợp chưa suy cử được Trưởng Gánh thì Gánh đó cử vị đại diện Gánh.

Trước đây, các Trưởng Gánh và đại diện Gánh đã thống nhất hình thành một tổ chức gọi là “Đạo hội” nhằm phối hợp chăm lo, điều hành mọi công việc của toàn đạo. “Đạo hội” là tổ chức cao nhất trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có trụ sở đặt tại chùa Tam Bửu - Phi Lai, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bao gồm các vị Trưởng Gánh và Đại diện Gánh.

Ngoài ra, còn có Ban Quản tự chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Trưởng Gánh bầu lên.



Ban Quản tự có nhiệm vụ giúp Trưởng Gánh trong việc tổ chức nghi lễ thờ cúng, trùng tu, sửa chữa chùa, miếu, quản lý tài chính và làm từ thiện xã hội. Ban Quản tự chùa thường có từ 7 đến 11 thành viên với nhiệm kỳ là 03 năm.

#### IV. Cơ sở vật chất đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Cơ sở thờ tự của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là hệ thống các chùa, đình, miếu, Tam Bửu gia và bàn thờ tại gia đình. Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa khác với chùa Phật giáo, vì đây không phải là nơi tu hành của những người cất ái ly gia mà là nơi thờ cúng các đối tượng tôn giáo và thực hiện các lễ nghi của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn là nơi để chữa bệnh cho tín đồ và để tín đồ thể hiện mối quan hệ với thân bằng của mình. Hiện nay, chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa tập trung nhiều nhất ở vùng Thất Sơn, tại các làng: An Định, An Hoà, An Lập và An Thành.

Bên cạnh hệ thống chùa, tại các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có các đình, miếu là nơi diễn ra các sinh hoạt tôn giáo của tín đồ và là một bộ phận trong hoạt động tôn giáo do các Trưởng Gánh trực tiếp phụ trách.

Tam Bửu gia là Phủ thờ của Gánh đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Toàn đạo có 24 Gánh thì có 24 Tam Bửu gia. Tam Bửu gia được xây gần nhà Trưởng Gánh, là một hình thức nhà thờ dòng họ của tín đồ, trong đó dòng họ Trưởng Gánh trở thành tộc trưởng của một dòng họ. Tam Bửu gia do gia đình Trưởng Gánh trông coi, cúng lễ. Ngoài ra, mỗi gia đình tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều có nhiều bàn thờ tại nhà để thể hiện trọn vẹn tinh thần Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Một thực tế đặt ra hiện nay là sự khó khăn trong việc thống kê các cơ sở thờ tự của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tam Bửu gia

thuộc hệ thống cơ sở thờ tự của đạo, tuy nhiên nó lại là nơi thờ riêng của dòng họ Trưởng gánh và thường được xây trên mảnh đất của dòng họ.

#### V. Tình hình đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa hiện nay

Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo-Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố hiện nay có khoảng 78.000 tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, phân bố tập trung ở các tỉnh Tây Nam bộ như: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Tiền Giang, Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, An Giang là trung tâm của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Sự phân bố tín đồ này cho thấy đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một tôn giáo bản địa, cơ bản giới hạn trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, nguyên lý của đạo được nhấn mạnh nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tự hào về nòi giống, kêu gọi mọi người đứng lên chống giặc ngoại xâm để đền ơn đất nước, bảo vệ những thành quả mà cha ông đã gây dựng. Do vậy, phong trào chống Pháp của những người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nổi lên mạnh mẽ.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều tín đồ đã tích cực tham gia với tư tưởng "*Án tổ tiên, ông bà và đất nước*". Các làng đạo ở vùng Thất Sơn đã có nhiều chiến công góp phần vào sự nghiệp giải phóng đất nước. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc của các xã có đông tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở An Giang như: Ba Chúc, Lương Phi đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều Huân, Huy chương cao quý khác. Theo thống kê chưa đầy đủ, toàn đạo có 05 Mẹ Việt Nam anh hùng, 03 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 380 gia đình liệt sĩ; 250 gia đình

thương binh, 430 gia đình có công với cách mạng.

Từ sau ngày giải phóng đến nay, bà con tín đồ luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào do chính quyền địa phương tổ chức.

*Đời sống kinh tế:* đồng bào đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có mức sống đạt trung bình so với mặt bằng chung của xã hội. So với các khu vực khác thì đời sống kinh tế của tín đồ còn thấp. Nguyên nhân của thực trạng này là do địa bàn cư trú của tín đồ thuộc những vùng sâu, vùng xa.

*Về văn hoá-xã hội:* bà con tín đồ tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội như làm từ thiện, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo... Qua kết quả khảo sát năm 2004, tại các tỉnh có đông tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã công nhận 85% gia đình tín đồ đạt chuẩn gia đình văn hoá, nhiều gương người tốt, việc tốt, gia đình hiếu học... hàng năm được Nhà nước khen thưởng.

Đời sống văn hoá ngày càng phát triển với việc thành lập đội nhạc lễ, đàn ca tài tử, đội bóng đá, bóng chuyền phục vụ sinh hoạt của tín đồ. Bên cạnh đó, các Trưởng Gánh còn hướng dẫn giảng dạy chữ Nôm cho các Thông tín, Cư sĩ, Thủ lễ, tín đồ. Hàng năm việc tổ chức các ngày lễ cúng, lễ hội từng bước được nâng cấp, thu hút hàng chục ngàn khách thập phương về dự, góp phần làm phong phú thêm đời sống sinh hoạt tôn giáo. Bà con tín đồ tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội như: làm từ thiện, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo...

*Về giáo dục:* Do đặc điểm phân bố về địa lý từ khi Đức Bổn sư sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, những vùng có tín đồ đều là vùng sâu, vùng xa, rừng núi hiểm trở, tín đồ đều xuất phát là những người nông dân, điều kiện học hành của bà con không được thuận

tiện nên trình độ dân trí của tín đồ còn thấp.

*Về cơ cấu tổ chức:* Tháng 8/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chấp thuận cho thành lập Ban vận động đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (Quyết định số 1480/QĐ-UBND, ngày 03/8/2006) để chuẩn bị các thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo theo quy định của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 22/2005/NĐ-CP. Tháng 5/2010, Ban vận động đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã tổ chức thành công đại hội đại biểu cấp toàn đạo. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã có Quyết định số 1114/QĐ-UBND, ngày 16/6/2010 về việc công nhận tổ chức tôn giáo đối với đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cũng đã có quyết định chấp thuận Hiến chương và nhân sự Đạo hội đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Theo đó, cơ cấu tổ chức của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có hai cấp là Đạo hội (cấp toàn đạo) và Gánh (cấp cơ sở).

Có thể nói, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một đặc trưng văn hoá Nam bộ. Quá trình phát triển đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa gắn liền với quá trình di dân, khai hoang lập làng ở vùng đồng bằng Nam bộ. Với đường hướng hành đạo là tu nhân học Phật, lấy đạo hiếu làm đầu, không đặt ra giới luật khắt khe và không có sự phân biệt, kiêng kỵ khác nhau giữa chức sắc và tín đồ cùng với khả năng tổng hợp, hoà đồng các quan niệm cũng như các đối tượng thờ cúng của 3 tôn giáo: Phật, Lão, Nho và tín ngưỡng dân gian, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã tạo nên sự phong phú, thăng bằng trong đời sống tâm linh và là tôn giáo đặc trưng của nông dân Nam bộ.

Trải qua 143 năm hình thành và phát triển, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã có thời kỳ phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò quan trọng trong việc thoả mãn nhu cầu đời sống tinh thần và tâm linh cũng như trong đời sống văn hoá-xã hội của một bộ phận nông dân Nam bộ./.

# Ngô Lợi

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

**Ngô Lợi** (1831 -1890, tên thật là **Ngô Viện**, tên khác **Ngô Tự Lợi**, được người trong đạo gọi tôn là **Đức Bản Sư** hay **Ông Năm Thiếp**) là Giáo chủ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (gọi tắt là đạo *Hiếu Nghĩa*), ông cũng được xem là lần chuyển kiếp thứ 3 của Phật Thầy Tây An và là lãnh tụ phong trào kháng Pháp tại Nam Kỳ vào cuối thế kỷ 19.

## Thân thế

**Ngô Lợi** là người ở huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Cha tên là Ngô Nhân (? - 1837), làm nghề thợ mộc; mẹ tên Phạm Thị Xuyên, là người Bình An, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang).

Tương truyền từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành, Ngô Lợi cũng không có biểu hiện gì khác lạ. Cho đến năm 1851, lúc 20 tuổi, ông viết *Bà La Ni Kinh* dài 223 chữ Hán, mang nội dung xung tán Quán Thế Âm Bồ tát đề khuyên người đời tu niệm, mà sau này trở thành quyển kinh quan trọng của đạo Hiếu Nghĩa.

Năm 37 tuổi, vào ngày mùng 5 tháng 5 năm Đinh Mão (1867), bỗng nhiên ông bất tỉnh. Sau 7 ngày 7 đêm, ông hồi tỉnh lại, trở thành người "giải thoát tẩy trần tâm, giáo nhơn từng thiện đạo" (*rũ sạch lòng trần, dạy người theo đạo lành*). Bởi đi "thiếp" vào ngày trên và thỉnh thoảng ông lại có những cuộc đi thiếp như thế, nên người đời còn gọi ông là **Năm Thiếp**. Mỗi lần đi thiếp xong, ông thường nói những việc quá khứ và đoán định việc tương lai, nên được nhiều người tin theo. Vì vậy, về sau người trong đạo Hiếu Nghĩa cho rằng ngày 5 tháng

5 năm Đinh Mão (1867) chính là năm khai sáng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tuy nhiên, theo sách *Địa chí An Giang* (tập 2) thì đạo Hiếu Nghĩa ra đời tại núi Tượng (Ba Chúc, Tri Tôn, An Giang) vào năm 1876, tức là năm Ngô Lợi đưa một số đệ tử vào nơi đây để khai hoang, lập chùa miếu và mở thôn ấp mới.

## Sự nghiệp

Sau khi chứng đắc đạo quả (theo cách nói của trong đạo Hiếu Nghĩa), ngày rằm tháng Giêng năm Nhâm Thân (1872), Ngô Lợi cho hợp ghe thuyền của tín đồ đi đến cát chùa ở cù lao Ba (nay là xã Vĩnh Trường, huyện An Phú), rồi lấy đó làm cơ sở truyền đạo.

Ông đã đi nhiều nơi vừa trị bệnh (*nhất là trận dịch hoành hành dữ dội vào năm 1876*), vừa thu nhận và dạy tín đồ thuyết "học Phật tu nhân, báo đáp tứ ân, hành xử theo thập nhị giáo điều". Tháng Giêng năm Bính Tý (1876), ông cho một tín đồ tên Trần Tịnh đi khảo sát vùng núi Tượng (*nay thuộc thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*), rồi đưa một số đệ tử vào theo để khai hoang, lập chùa miếu và mở thôn ấp mới.

## Khởi nghĩa ở Mỹ Tho

Năm 1878, Ngô Lợi tổ chức hai cuộc lễ đại trai đàn, kéo dài ba đêm liền, vừa để cầu siêu cho những vong linh "vị quốc vong thân", vừa để khơi dậy ngọn lửa yêu nước trong lòng của hàng ngàn người đến dự.

Lần đầu diễn ra vào ngày 16 tháng 2 năm 1878 qui tụ hơn 200 người, rao giảng thuyết "Hội Long Hoa" và tuyên bố

"đời Minh Hoàng được thành lập, ai không theo thì bị thú dữ, cạp beo trong rừng ăn thịt".

Lần thứ nhì diễn ra vào ngày 30 tháng 4 năm 1878. Trong lần này, ông phong Võ Văn Khả làm chánh tướng, Lê Văn Ong làm phó tướng để cùng lãnh đạo công cuộc kháng Pháp.

Ngày 2 tháng 5 năm 1878, cuộc nổi dậy đã nổ ra ở Cai Lậy (Mỹ Tho) nhưng nhanh chóng bị dẹp tan. Hai ông Ong và Khả bị xử chém tại Thuộc Nhiêu năm 1879, còn Ngô Lợi cùng nhiều nghĩa quân trốn thoát về làng An Định, căn cứ của đạo Hiếu Nghĩa, do ông cùng tín đồ khai hoang, lập ấp thuở trước.

### Kháng Pháp nơi núi Tượng

Màn lưới do thám của Pháp liền được lệnh truy lùng Ngô Lợi ráo riết, nhưng rốt cuộc không thu được kết quả nào, bởi ông được tin đồ và đồng bào mền mộ che giấu. Ngay cả thuộc hạ đắc lực của Đốc phủ Trần Bá Lộc là Hai Phép lãnh trách nhiệm theo dõi ông, cũng bị ông cảm hóa rồi theo phe kháng Pháp luôn. Đốc phủ Đỗ Hữu Phương cho tên Bửu, người Minh Hương, mua ba ngàn xâu chuối bồ đề từ Chợ Lớn xuống núi Tượng, cúng cho bốn đạo vẫn không dò hỏi được tin tức gì.

Tức tối, thực dân Pháp nhiều lần tổ chức ruồng bố. Chỉ tính trong 12 năm (1876-1888), quân Pháp đã đến đốt phá, bắt bớ, tra tấn, tù đày những tín đồ ở làng An Định cả thảy bảy lần, tín đồ Hiếu Nghĩa gọi là "đạo nạn", đơn cử như vào năm 1885, Ngô Lợi cùng với tín đồ đạo Hiếu Nghĩa kết hợp với nghĩa quân của Hoàng Thân Sĩ Votha (Campuchia) nổi dậy, đánh chiếm hai bờ kênh Vĩnh Tế và làm chủ Tịnh Biên. Nhưng ngay đó, quân Pháp do đại úy

Ferussac đem quân chiếm lại và còn tấn công vào An Định, khiến Ngô Lợi phải cùng với nhiều tín đồ phải chạy sang Vườn Dầu, thuộc Campuchia để lánh nạn. Ngày 2 tháng 6 năm 1886, quân Pháp mở cuộc hành quân sang Campuchia, đánh vào căn cứ Vườn Dầu nhưng thất bại. Mặc dù cản ngăn được đôi phương, nhưng khi Ngô Lợi trở về núi Tượng, nhà cửa, chùa chiền ở An Định chỉ còn là những đống tro tàn.

Nhưng bi thảm nhất là vào năm 1887, quân Pháp do thiếu tá Peignaux ở Châu Đốc chỉ huy, cùng hai cộng sự là Trần Bá Lộc và cai tổng Trương Văn Keo kéo quân vào An Định. Bị kháng cự ở núi Trà Sư, nên khi Pháp tràn được vào làng, họ đã đốt sạch nhà cửa, chùa chiền, bắt nhiều người tra tấn để tìm Ngô Lợi.

Kết cuộc, Pháp xử bắn 8 người, đày ra Côn Đảo 13 người, cưỡng bức 407 gia đình gồm gần hai ngàn người già trẻ xuống tàu về quê quán và cho sáp nhập thôn An Định vào xã Ba Chúc, sáp nhập thôn An Thành vào xã Lương Phi,...

### Qua đời

Ngày 13 tháng 10 âm lịch năm Canh Dân (1890), Ngô Lợi mất vì bệnh tại chùa Bửu Linh, thuộc thôn An Hòa (nay là khóm An Hòa B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang), gần núi Tượng, lúc 59 tuổi. Sau khi ông mất, phong trào kháng Pháp dần tan rã, chỉ còn lại đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Ngoài bản kinh *Bà La Ni Kinh*, từ năm 1879 đến năm 1884, Ngô Lợi còn truyền dạy cho tín đồ nhiều bài *cung văn số điệp* với nhiều nghi tiết cúng lễ. Sau, các vị đại đệ tử của ông đã ghi chép lại thành tập sách *Ngọc Lịch Đô Thơ Tập Chú*.

Hàng năm, tại khu di tích chùa Tam Bửu – Phi Lai (thị trấn Ba Chúc, Tri Tôn) đều có tổ

chức lễ vía Đức Bổn sư Ngô Lợi vào ngày 12 và 13 tháng 10 (âm lịch).

Nhận xét

Tháng 10 năm 1885, chủ tỉnh Châu Đốc là Lebrun báo cáo:

*Toàn là dân bất hảo, chống đối sự khai hóa của người Pháp. Họ ở tứ xứ gom về và tất cả đều theo đạo Phật (ý nói đạo Hiếu Nghĩa), nhưng là những phật tử có nhiệt tâm đến mức cuồng tín. Họ ra vẻ chí thú làm ăn, nhưng gặp cơ hội là họ khởi loạn nữa...*

Sau cuộc hành quân tìm diệt Ngô Lợi ở căn cứ Vườn Dầu vào năm 1886 nhưng thất bại, người Pháp viết:

*Uy tín tinh thần của ông (Ngô Lợi) còn mạnh. Ông là giáo chủ tôn giáo mới...*

Tác giả Đinh Văn Hạnh nhận xét:

*Có người nhận xét làng An Định là căn cứ của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và của phong trào Cần Vương toàn cõi Nam Kỳ. Thực ra, phong trào Cần vương mãi đến tháng 7 năm 1885 mới được phát động. Còn trước đó gần 10 năm, An Định đã là nơi hội tụ của những nghĩa quân thất bại trong những cuộc khởi nghĩa lớn... Họ về đây cùng với Năm Thiếp chờ cơ hội...*

Sách Địa chí An Giang đánh giá:

*Ngô Lợi là một sĩ phu yêu nước của phong trào Cần Vương. Bị thực dân Pháp truy nã, ông từ Mỹ Tho về Ba Chúc dựng chùa tu hành để che mắt đối phương.*

*Do vậy, làng An Định cùng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là nơi hội tụ của những người nuôi chí lớn, mong có ngày giải phóng quê hương khỏi tay quân xâm lược và đã gây cho Pháp nhiều khó khăn vất vả. Trong kháng chiến chống Mỹ, đã có nhiều đồng bào theo đạo này tham gia cách mạng...*

# Hư Hư Lục

*Thích Nữ Như Thủy*

## Trò Chơi Bất Đắc

Potthila là vị giáo thọ của một tăng đoàn ở tịnh xá Đại Lâm.

Sư tinh thâm tam tạng, uy nghi cốt cách sư phạm rất đường bệ... chỉ hiềm một điều là sư chưa chứng quả, dù sư đã được đức Phật cất đặt công việc trùng tuyên kinh luật cho một hội chúng tỳ kheo đông đảo.

Vì thế, mỗi lần sư Potthila đến hầu thăm Phật, đức Thế Tôn liền gọi một cách thân ái lần trên chọc:

-À đây! Cái ông sư rỗng đã đến!

Và khi sư cáo từ, Ngài liền bảo đại chúng:

-Cái sư thầy rỗng đó đi rồi!

Những lời nói này lọt vào tai Potthila làm cho sư vô cùng đau xót. Biết đức từ phụ muốn khuyến khích mình, tôn giả Potthila lấy làm bối rối, không biết làm cách nào để hạ thủ công phu sao cho thành một ông sư “đặc” hẳn hoi.

Cho đến một hôm lòng buồn tột độ, tôn giả bỏ hội chúng vào rừng, nhà sư đáng thương này đi hoài đi mãi cho thật xa cái nơi mà uy danh giáo thọ đã làm ngài cực lòng khôn tả đó. Và cuối cùng sư gặp phải 30 vị La Hán đang ẩn cư trong rừng, vốn là học trò cũ của sư.

Tôn giả Potthila đến đánh lễ với vị thủ tòa,

khiêm tốn xin vị này chỉ cho cách hạ thủ công phu.

Vị thủ tòa mỉm cười:

-Ồ! Làm sao tôi dám làm điều đó bạch thượng tọa? Khi Ngài là vị giáo thọ của tôi.

Tôn giả bị đẩy xuống đệ nhị tòa cũng bị từ chối... cuối cùng tôn giả đến trước vị La Hán thứ 30, nhỏ tuổi nhất, mới lên 7, van nài một cách khẩn thiết:

-Bạch đại đức! Xin đại đức thương xót chỉ cho con cách “hạ thủ công phu.”

Vị La Hán trẻ tuổi im lặng tiếp tục vá áo. Tôn giả Potthila tiếp tục van nài một cách tuyệt vọng... đến nỗi vị thánh tăng tí ton này phải mở lời:

-Ồ! Thượng tọa, tuy Ngài nói thế nhưng tuổi tác và sở học của tôi kém Ngài rất xa... e rằng lời tôi hãy còn nhẹ lắm liệu Ngài có tin nổi hay không?

-Bạch đại đức! Lòng con tha thiết khẩn cầu mỗi lời chỉ bảo của đại đức là một lời vàng ngọc đối với con, thì dù đại đức bảo con nhảy vào lửa con cũng “y giáo phụng hành.”

-Thôi, đừng nhảy vào lửa mà toi mạng, đằng kia có cái hồ nước mát, thượng tọa thử nhảy xuống xem. Vị La Hán chưa dứt lời, tôn giả Potthila đã nhảy ùm xuống nước. Đợi tôn giả Potthila vừa ngoi đầu lên, vị La Hán trẻ đồng dạng ra lệnh:

-Hãy leo lên đây!

Tôn giả Potthila lồm cồm bò lên, vị thánh tăng lại bảo:

-Nhảy xuống hồ mau!

-Leo lên đây!

Sau khi bắt tôn giả Potthila nhảy xuống leo lên hơn 3 lần như thế, vị thánh tăng mới đến ngồi kiết già trên một tảng đá, và tôn giả Potthila ướt như chuột lột, thành kính quỳ trước mặt La Hán giảng giải:

-Này Thượng tọa lúc còn sống đời tại gia ta thường chơi đá dế với bạn, thượng tọa có biết con dế không?

-Thưa biết ạ!

-Ồ, tốt lắm. Giả sử như có một cái hộp vuông chứa đầy dế. Nếu cái hộp ấy có 6 cửa ngõ, cửa nào cũng để hé ra hết, thì các chú dế sẽ thò râu hoặc chân tay ra ngoài các ngõ ấy. Có phải thế không nào?

-Thưa vâng!

-Và nếu cửa ngõ nào mở rộng thì có thể các chú dế sẽ chui ra mất theo các ngõ ấy... phải không?

-Thưa đúng như vậy.

-Bây giờ, muốn quan sát các chú dế ấy cho kỹ, chúng ta có thể bịt kín đi năm lỗ, chỉ chừa một cửa thôi... Và nhìn chăm chăm vào cửa ấy... Thượng tọa có theo kịp không?

-Thưa kịp ạ!

-Chỉ nhìn thôi chứ không thò tay chân vào trong hộp ấy nhé...

-Vâng!

-Nhìn thật rõ ràng, chăm chú vào các sinh

hoạt của bày dế trong hộp, ta sẽ biết rõ về chúng hơn, từng đưa một... dế than, dế lửa, dế com tất cả đều rõ ràng tách bạch... đây nhé!

-Thưa vâng!

-Này Thượng tọa, các cửa của cái hộp dế ấy dụ cho 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ta... Những vọng tưởng lao xao và rộn ràng không khác nào bày dế kia. Muốn điều phục chúng không cách nào tốt hơn là ngồi yên lặng giảm bớt các hoạt động của ý thức... bình thản nhìn một cách rõ ràng chăm chú như đưa trẻ chơi dế nhìn bày dế lao xao trong hộp. Có thể nào Thượng tọa áp dụng trò chơi này một cách bình an, thoải mái, quan sát theo dõi những vọng niệm của mình mà không xen vào những ước muốn lay bỏ, loại trừ... chăng?

-Bạch đại đức, con đã hiểu rồi...

Và tôn giả Potthila, sau khi từ giã 30 vị La Hán, đi tìm một trú xứ thích hợp để tọa thiền... Đề khuyến khích sư, Đức Thế Tôn gởi đến một bài kệ:

*“Tu thiên trí huệ sanh  
Bỏ thiên trí huệ diệt  
Biết con đường hai ngã  
Đưa đến hữu, phi hữu  
Hãy tự mình nỗ lực  
Khiến trí huệ tăng trưởng.”*

(Pháp cú 282)

Chẳng bao lâu, tôn giả Potthila đắc quả A La Hán. Từ đạo đó Đức Phật không trừu ông là “ông sư rồng” nữa./-



### Giữa Điều Tôi Nhìn Thấy Và Điều Tôi Nói Ra

Tuệ Sỹ

1.  
giữa điều tôi nhìn thấy và điều tôi nói ra  
giữa điều tôi nói ra và điều tôi thỉnh lặng  
giữa điều tôi thỉnh lặng và điều tôi mơ mộng  
giữa điều tôi mơ mộng và điều tôi quên lãng :  
là thơ  
thơ trượt qua  
giữa có và không  
thơ nói  
điều mà tôi thỉnh lặng  
thơ thỉnh lặng  
điều mà tôi nói  
thơ mơ mộng  
điều tôi lãng quên  
thơ không là lời nói :  
thơ là hành động.  
hành động của lời nói  
thơ nói ra và lắng nghe :  
thơ hiện ra thực sự  
và ngay khi tôi nói là thơ hiện ra thực sự  
thì thơ tan biến tức thì  
có phải là thơ còn thực hơn nữa chăng?
2.  
ý tưởng hữu hình  
chữ thì vô hình :  
thơ  
đến rồi đi  
giữa cái hiện tiền  
và cái không hiện hữu  
thơ đan dệt  
và tháo gỡ những suy tưởng  
thơ tung rải mắt nhìn lên trang giấy  
tung rải chữ vào trong mắt.  
mắt nói ,  
chữ nhìn  
cái nhìn suy tưởng  
những đôi mắt nhắm lại  
chữ thì mở ra.

### **VỀ bài đăng báo Phật Học**

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

**Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học**



**HỘ PHÁP**

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc  
P.O. Box 221483  
Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE  
U.S. POSTAGE PAID  
LOUISVILLE, KY  
PERMIT NO. 368